

Số: 09 /KH-TMN

Lý Nhân, ngày 20 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Điều lệ trường mầm non ban hành;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 ban hành khung thời gian năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-MNVL ngày 15 tháng 09 năm 2025 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

Trường Mầm non Văn Lý xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Quy mô nhóm, lớp

Năm học 2025-2026 nhà trường hiện có 14 nhóm, lớp, trong đó có 03 nhóm trẻ và 11 lớp mẫu giáo. Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 104 trẻ trong đó có 50 nữ, tỷ lệ 26 trẻ /lớp; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi 77 cháu trong đó có 24 nữ, tỷ lệ 19,2 trẻ/lớp; lớp 3-4 tuổi 64 trẻ trong đó có 31 nữ, tỷ lệ 21,3 trẻ/ lớp; nhóm trẻ 24-36 tháng 62 trẻ có 30 nữ, tỷ lệ 21 trẻ/ nhóm. Trẻ ăn bán trú đạt 100%.

2. Đội ngũ

Năm học 2025-2026 nhà trường hiện có tổng số 41 người(nữ 39, 02 bảo vệ Nam). Trong đó: cán bộ quản lý: 02 người, giáo viên: 31 người; nhân viên: 02 người, 04 nhân viên nấu ăn, 02 bảo vệ. Tỷ lệ: 2,2 giáo viên/ nhóm, lớp.

- Trình độ:

+ CBQL: 02 người trình độ ĐHSPPMN

+ Giáo viên: 31 người(12 đ/c trình độ ĐHSPPMN; 19 trình độ CĐSPMN)

+ Nhân viên: 02 người (01 ĐHKT; 01 TCY sĩ).

+ Nhân viên nuôi: 01 trình độ CĐSPMN; 02 trung cấp nấu ăn, 01 sơ cấp.

3. Các điều kiện để thực hiện chương trình

- Về cơ sở vật chất 100% nhóm lớp đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng ngủ thoáng mát, âm áp; đầy đủ giường, chăn, gối; ca cốc uống nước, có đầy nước sạch sinh hoạt và nước uống hàng ngày, bếp ăn, khu vệ sinh đảm bảo an toàn thực, có kiểm tra, sửa chữa để tránh hư hỏng.

- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở, tham gia bồi dưỡng hàng năm. Tỷ lệ giáo viên/trẻ theo quy định, có tinh thần trách nhiệm, yêu trẻ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

- Các cô nuôi có tinh thần trách nhiệm, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, có chứng chỉ hoặc bằng về chế biến món ăn.

- Thực đơn của trẻ đảm bảo đa dạng, phong phú.

- Xây dựng kế hoạch năm học, chế độ sinh hoạt linh hoạt, phù hợp với văn hóa địa phương.

- Phối hợp với trạm y tế kiểm tra sức khỏe cho trẻ ít nhất 1 lần/năm

- Căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, nhà trường chỉ đạo giáo viên lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho cả năm học phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, khả năng và nhu cầu của trẻ và bối cảnh của địa phương. Cùng với đó, giáo viên linh hoạt lựa chọn nội dung giáo dục để phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với sự phát triển của trẻ, phù hợp với chủ đề, đảm bảo các quy định về chuyên môn. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục đã xây dựng đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi .

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non đã sửa đổi, bổ sung. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nội dung kế hoạch mang tính toàn diện, cụ thể, nêu rõ những nhiệm vụ trọng tâm của năm học, tăng cường các biện pháp chỉ đạo nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ trong trường mầm non. Giúp giáo viên nắm vững mục tiêu yêu cầu cần đạt của từng độ tuổi, tổ chức thực hiện theo đúng chủ đề, biết xây dựng kế hoạch thực hiện chủ đề và hoạt động học, hoạt động chủ đích của từng độ tuổi, theo từng lĩnh vực phát triển, tổ chức tốt các hoạt động, các giờ học cho trẻ từ đó không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

- Một điều kiện quan trọng khác là việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường gắn với văn hóa và điều kiện thực tiễn của địa phương. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ, đặc điểm tâm sinh lý trẻ và đặc thù văn hóa của địa phương. Các nội dung giáo dục được lồng ghép với phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, nghề nông và cảnh quan thiên nhiên sẵn có ở địa phương, nhằm giúp trẻ thêm yêu quê hương, hình thành những giá trị văn hóa gần gũi. Hoạt động giáo dục được tổ chức phong phú, đa dạng, gắn với trải nghiệm thực tế như chăm sóc vườn rau, tham quan di tích lịch sử, tham gia ngày hội văn hóa, giúp trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Việc xây dựng chương trình giáo dục nhà trường được thực hiện với sự tham gia đóng góp ý kiến của tập thể, cha mẹ trẻ và sự chỉ đạo chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và hiệu quả.

Nhà trường đã duy trì mối quan hệ gắn bó với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp định kỳ, góc tuyên truyền ở lớp, các nhóm trao đổi trực tuyến, giúp cha mẹ nắm bắt kịp thời tình hình học tập và sinh hoạt của con em. Ban đại diện cha

mẹ trẻ hoạt động tích cực, phối hợp cùng nhà trường trong việc huy động trẻ ra lớp, xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngày hội, ngày lễ. Đồng thời, nhà trường còn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự hỗ trợ từ các đoàn thể xã Lý Nhân, nhất là trong công tác huy động nguồn lực, đảm bảo an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ. Sự chung tay của cộng đồng chính là điểm tựa vững chắc để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

4. Đánh giá chung

a) Thuận lợi

- Nhà nước có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non,
- Phụ huynh và cộng đồng ngày càng quan tâm đến việc chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo điều kiện phối hợp.
- Tập thể CB, GV, NV thường xuyên trao đổi học tập lẫn nhau để nâng cao kiến thức về việc chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng trẻ phù hợp.
- Đội ngũ giáo viên có tinh thần tự học, tự rèn luyện, không ngừng học hỏi để nâng cao tay nghề, luôn lắng nghe ý kiến đóng góp xây dựng của đồng nghiệp.
- Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo, môi trường cho trẻ học tập tốt
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về cơ cấu, đảm bảo về số lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo và trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
- Các ban ngành, đoàn thể của địa phương, Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên phối hợp với nhà trường, với giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.
- Công tác phổ cập GDMN trẻ em năm tuổi (PCGDMNTNT) được duy trì và ngày càng được nâng cao chất lượng.

b) Khó khăn, hạn chế

- Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa để con ở nhà với ông bà, nên công tác phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường còn khó khăn.
- Đa số cha mẹ trẻ đều là nông dân, làm công ty, làm ăn xa nên việc chăm sóc trẻ tại gia đình một số chưa được quan tâm.
- Một số trẻ ở nhóm nhỏ ra lớp đầu năm học còn khóc nên việc chăm sóc gặp nhiều khó khăn.

+ Hạn chế: Nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị nuôi ăn còn hạn chế, nên thiết bị chưa đồng bộ, - Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo các

nhóm lớp còn thiếu về số lượng.

II. Nhiệm vụ, giải pháp năm học 2025-2026

1. Công tác nuôi dưỡng

a) Nhiệm vụ

- 100% trẻ phát triển tốt về các mặt.
- 100% trẻ có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân theo quy định
- 100% trẻ có thói quen tốt trong ăn uống và trong sinh hoạt hàng ngày.
- 100% trẻ đến trường có đầy đủ các điều kiện để thực hiện vệ sinh cá nhân; nhà trường đảm bảo đủ vật tư y tế phòng, chống dịch bệnh.

- 100% trẻ đến trường được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần/năm (trước 15/10/2025); được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi còn khoảng 1%, khống chế trẻ thừa cân béo phì không tăng so với năm học trước.

- 100% trẻ đến trường, lớp được rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, có nê nếp, thói quen tốt, vệ sinh cá nhân phù hợp với độ tuổi; được giáo dục dinh dưỡng; được phối hợp hài hoà giữa dinh dưỡng và tăng cường vận động thể lực.

- 100% cha mẹ trẻ được tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học.

- 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm

- 100% trẻ đến trường ăn bán trú được tổ chức bữa ăn hợp vệ sinh; tổ chức trẻ nhà trẻ ăn 02 bữa chính 01 bữa phụ; trẻ mẫu giáo ăn 01 bữa chính, 01 bữa phụ; đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị; phân bố bữa ăn phù hợp với độ tuổi Nhà trẻ và Mẫu giáo;

- 02/02 bếp nuôi thực đơn được xây dựng theo mùa, phù hợp với độ tuổi, đảm bảo các nguyên tắc: đủ lượng Calo, cân đối dưỡng chất, tăng cường rau xanh, quả chín, trong thực đơn hàng ngày có sử dụng sữa của cấp có thẩm quyền cho phép để cải thiện thể lực, tầm vóc.

- 100% nhóm lớp có nhà vệ sinh đạt yêu cầu, khi hỏng được sửa chữa kịp thời.

b) Giải pháp

- Chỉ đạo bếp nuôi thực hiện tính khẩu phần ăn cho trẻ trên phần mềm quản lý mầm non của Công ty Cổ phần Đầu tư và chuyển giao công nghệ Việt Nam, đảm bảo các quy định; cân đối hợp lý tiền ăn của trẻ để tính lượng sữa, thực phẩm phù hợp trong bữa ăn hàng ngày của trẻ; thời gian tổ chức bữa ăn, chế biến món ăn, chế độ ăn của trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo thực hiện nghiêm túc theo lịch sinh hoạt hàng ngày quy định trong Chương trình GDMN, Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Không ký hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn chế biến sẵn cho trẻ em. Tổ chức bếp ăn tại nhà trường đảm bảo chất lượng dinh dưỡng, vệ sinh ATTP và phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ mầm non, Công văn số 6141/BGDĐT-GDTC ngày 21/11/2022 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm vệ sinh, ATTP trong cơ sở giáo dục; Công văn số 432/BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 của Bộ GDĐT về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN, iúp trẻ ăn ngon miệng.

- Thực hiện công tác Y tế trường học theo Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT quy định về công tác Y tế trường học. Đảm bảo trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới, cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao (*trẻ 01 đến 60 tháng*) hoặc theo chỉ số khối cơ thể (BMI) theo tuổi (*trẻ 61 đến 78 tháng*). Phối hợp với ngành Y tế, tăng cường các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì;

- Sử dụng Tài liệu hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở GDMN và tiểu học (*ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT*) để rà soát, tự đánh giá, điều chỉnh.

- Xây dựng thực đơn theo mùa, phù hợp với độ tuổi trẻ theo Chương trình GDMN. Đảm bảo các nguyên tắc: Đủ lượng Calo, cân đối các chất theo quy định, thực đơn sử dụng đa dạng nhiều loại thực phẩm trong bữa ăn của trẻ. Tăng cường rau xanh, quả chín, sữa và các sản phẩm từ sữa đảm bảo theo quy định, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; hạn chế sử dụng các món ăn được chế biến sẵn (Bánh ngọt, mì tôm, giò, chả...). Mức ăn tối thiểu 20.000đ/trẻ/ngày để đảm bảo dinh dưỡng, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ.

- Ngoài hình thức tổ chức ăn truyền thống, khuyến khích các lớp độ tuổi Mẫu giáo, nhất là mẫu giáo 5 tuổi có thể thay đổi đa dạng hình thức theo kiểu bữa ăn gia đình, ăn buffet... phù hợp với độ tuổi, tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm các kỹ năng, thói quen tự phục vụ, hành vi ăn uống văn minh.

- Phối hợp chặt chẽ với gia đình trẻ trong việc theo dõi, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ; có giải pháp phù hợp với thực tế nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi và kiểm soát tình trạng thừa cân, béo phì so với thời điểm đầu năm học.

- Ký hợp đồng cung cấp thực phẩm, sữa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; công khai thông tin về đơn vị cung cấp thực phẩm, sữa với chính quyền địa phương, cha mẹ trẻ. Đảm bảo bữa ăn đúng giờ theo quy định.

- Kết hợp với giáo viên trên lớp theo dõi tình hình ăn uống của từng cháu, động viên khuyến khích trẻ ăn đối với những cháu kém ăn, không ăn hết suất, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục.

- Xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn phù hợp độ tuổi. Thường xuyên thay đổi thực đơn theo ngày, mùa, chế biến đa dạng phong phú phù hợp khẩu vị của trẻ, các món ăn có màu sắc đẹp kích thích trẻ ăn hết suất.

- Lựa chọn thực phẩm có hàm lượng sắt cao: lòng đỏ trứng, đậu... làm màu sắc cho món ăn. Tăng cường lượng rau có màu xanh đẹp, đỏ như rau dền, cà rốt, bí ngô... Tích cực trồng rau sạch trong nhà trường cung cấp thêm rau sạch hàng ngày cho trẻ.

- Đảm bảo VSATTP trong bếp ăn, nhóm lớp. Đảm bảo trẻ ăn vừa ấm ăn ngay sau khi chế biến xong. Thức ăn được chứa đựng đầy nắp cẩn thận trong các dụng cụ nuôi dưỡng hợp vệ sinh không độc hại. Các dụng cụ nhà bếp được để riêng biệt sống, chín riêng và được khử trùng, phơi nắng hàng ngày.

- Đội ngũ người nấu ăn được khám sức khỏe và tập huấn theo định kỳ và lịch của TTYT huyện trở lên.

- Thực hiện tốt công tác Y tế trường học theo Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT quy định về công tác Y tế trường học. Đảm bảo trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới, cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao (*trẻ 01 đến 60 tháng*) hoặc theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI) theo tuổi (*trẻ 61 đến 78 tháng*). Phối hợp với Y tế, tăng cường

các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì;

- Đối với trẻ béo phì nhà trường, nhóm, lớp có kế hoạch theo dõi trẻ hàng tháng, trong bữa ăn hàng ngày, trong sinh hoạt hàng ngày, tăng cường vận động cho trẻ với các trò chơi hay các hoạt động trực nhật phụ giúp cô, tăng cường rau xanh cho trẻ trong bữa ăn giảm lượng bột đường, giúp duy trì cân nặng trẻ không tăng cân.

- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, trong bữa ăn được bổ sung thêm lượng dầu, đạm riêng cho trẻ. Lượng sữa uống ở nhà trường hàng ngày đối với trẻ được tăng hơn đối với trẻ phát triển bình thường. Ngoài ra phối kết hợp gia đình hàng ngày trong quá trình chăm sóc trẻ. Bữa ăn của trẻ luôn có bầu không khí vui vẻ, thân thiện giúp trẻ ăn ngon miệng, hết suất.

2. Chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ

*** Nhiệm vụ**

- 2/2 bếp ăn tiếp tục phát huy mô hình bếp ăn kiểm soát ATTP; tính khẩu phần ăn cho trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng của Công ty CPĐT phát triển và chuyển giao công nghệ Việt Nam; kiểm thực 3 bước hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- 2/2 bếp nuôi bán trú thực hiện nghiêm các quy định đảm bảo ATTP từ hợp đồng thực phẩm đến quy trình chế biến cho trẻ: Ký hợp đồng cung cấp thực phẩm, sửa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; công khai thông tin về đơn vị cung cấp thực phẩm, sửa với chính quyền địa phương, cha mẹ trẻ.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ thực hiện quyền và trách nhiệm giám sát các khâu giao, nhận thực phẩm, chế biến món ăn và tổ chức bữa ăn hàng ngày cho trẻ.

- 2/2 bếp nuôi đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng nuôi ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn; có đủ người nấu phù hợp với số trẻ nuôi bán trú

để thực hiện công việc;

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, cô nuôi được bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh ATTP, được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- 2/2 điểm trường có công trình nước sạch để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Không dùng nước bình hoặc nước đóng chai sẵn cho trẻ uống.

* Giải pháp

- Hiệu trưởng triển khai, quán triệt cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm (ATTP); phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương trong việc đảm bảo ATTP tại đơn vị. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước cha mẹ trẻ và cơ quan quản lý nhà nước về việc ký kết hợp đồng cung ứng, sử dụng thực phẩm và sản phẩm sữa trong nhà trường.

- Lựa chọn hợp đồng cung cấp thực phẩm với các đơn vị đảm bảo yêu cầu theo Luật An toàn thực phẩm và Điều 2 Khoản 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền cho phép (có đầy đủ hồ sơ đảm bảo tính pháp lý và truy xuất nguồn gốc); lựa chọn đơn vị cung cấp thực phẩm, sữa có đủ năng lực, uy tín, đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; thực phẩm có nguồn gốc xuất xứ, hồ sơ năng lực được cơ quan có thẩm quyền cho phép; thực phẩm tươi sống phải được cung cấp hàng ngày. Đối với việc lựa chọn sản phẩm sữa ưu tiên sử dụng sản phẩm từ các hãng sữa lớn, có thương hiệu, chất lượng và đầy đủ hồ sơ pháp lý, ký cam kết trách nhiệm đối với đơn vị cung cấp thực phẩm, sữa, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường bảo đảm ATTP.

- Công khai thông tin về đơn vị cung ứng thực phẩm, sữa với cán bộ, giáo viên, nhân viên với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ để cùng giám sát. Xây dựng kế hoạch phân công lãnh đạo trường chỉ đạo giám sát chặt chẽ toàn bộ quy trình từ giao nhận nguyên liệu đến chế biến, tổ chức bữa ăn, bảo đảm công khai, minh bạch tạo niềm tin cho cha mẹ trẻ.

- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong tổ chức bán trú, tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả phần mềm để tính khẩu phần ăn;

- Bổ sung, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị nuôi ăn, các điều kiện làm việc của người nấu ăn bằng nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên và cha mẹ trẻ đóng góp theo quy định.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng với đơn vị cung cấp nguồn nước đảm bảo quy chuẩn của Bộ Y tế, yêu cầu cơ sở kinh doanh cung cấp đủ các phiếu xét nghiệm nước theo định kỳ. Nhà trường sử dụng nước máy, nước mưa đều được đun chín cho trẻ sử dụng, sử dụng nước đun sôi để nguội cho trẻ uống, không sử dụng nước uống đóng chai; định kỳ thay quả lọc để đảm bảo vệ sinh nguồn nước. Có đủ bình đựng nước bằng inox, được vệ sinh hàng ngày, có giá để bình nước an toàn, thuận tiện cho trẻ sử dụng; đối với mùa đông có bình đựng nước nhiệt độ phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ uống hàng ngày. Hệ thống bể chứa nước và thùng chứa nước khi chưa sử dụng có nắp đậy được vệ sinh, thau rửa định kỳ; bếp có lưới chắn côn trùng.

- Rà soát, kiểm kê và mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú; ký hợp đồng với người nấu ăn có đủ sức khỏe và bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Định kỳ bồi dưỡng kiến thức vệ sinh ATTP cho đội ngũ.

- Đảm bảo có đủ nước uống, nước được đun sôi để nguội, nước mát, nước

âm cho trẻ phù hợp với thời tiết theo mùa.

3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3.1. Đổi mới hoạt động giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non

a) Nhiệm vụ

- Chỉ đạo 100% các lớp trong toàn trường thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung; Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với thực tế địa phương.

- 100% giáo viên biết khai thác tài nguyên giáo dục trên Internet, ứng dụng CNTT vào giảng dạy; phần đầu 70% giáo viên thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm Canva, AI.

- Tiếp tục thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ em làm trung tâm” năm học 2025 – 2026 trong thực hiện chủ đề chủ động, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, cụ thể:

+ Năm học 2025-2026 chỉ đạo 14/14 nhóm lớp tiếp tục thực hiện tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn nâng cao chất lượng xây dựng môi trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm năm học 2025- 2026

+ Kế hoạch giáo dục năm học xây dựng mục tiêu cụ thể dựa vào mục tiêu chung của độ tuổi, kết quả mong đợi của độ tuổi theo CTGDMN quốc gia, đặc điểm của trẻ ở trường/lớp. Điều chỉnh hoạt động đưa vào kế hoạch NDCSGD phù hợp phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

+ Tiếp tục chỉ đạo thiết kế môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học theo hướng giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm. Bố trí sắp xếp môi trường giáo dục ngoài trời 2 điểm trường tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, thực hành kỹ năng xã hội, khám phá thiên nhiên.

+ Đánh giá điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, năng lực của giáo viên, khả năng phát triển của trẻ theo bộ công cụ đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo hướng tới hình thành những giá trị về bản thân; về quan hệ xã hội;

- Tổ chức cho trẻ mẫu giáo bước đầu làm quen với tiếng Anh, tạo môi trường giáo dục chữ viết, số bằng tiếng anh.

- Trẻ 5-6 thực hiện các chương trình tiếp cận với việc học, xây dựng môi trường giáo dục chữ viết, số cho trẻ làm quen với việc học đọc, học viết chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ATGT cho trẻ mẫu giáo, tiếp tục thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” năm học 2025 - 2026

- Tổ chức giáo dục truyền thông về nội dung các chuyên đề giáo dục ATGT, giáo dục kỹ năng sống. Đăng tải các video, hình ảnh đẹp về cảnh quan trường, lớp học, khoảnh khắc hạnh phúc, những hành vi đẹp của trẻ... trên trang Website nhà trường, trang zalo, facebook.

b) Giải pháp

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng thực hành tổ chức các hoạt động

giáo dục cho CBQL, GV

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, khối chuyên môn theo lịch trình kế hoạch.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, quy chế chuyên môn.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm tính toàn diện, tích hợp, trải nghiệm... Thực hành bé với an toàn giao thông, kỹ năng xử lý các tình huống trong cuộc sống.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ 5-6 tuổi làm quen với việc học đọc, học viết chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao kỹ năng tự chăm sóc bản thân; kỹ năng tình cảm, xã hội; kỹ năng tư duy; kỹ năng điều chỉnh cảm xúc cho trẻ mẫu giáo thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn thiết kế môi trường giáo dục trong lớp học, ngoài trời sử dụng không gian, đồ dùng đa dạng, phong phú nguyên vật liệu cho trẻ khám phá, trải nghiệm, tìm hiểu...

- Giáo viên tạo môi trường tinh thần kích thích cho trẻ tích cực tham gia các hoạt động giáo dục ngoài trời “Vui chơi trải nghiệm” “Học mà chơi”. Vận dụng các hình thức dạy học linh hoạt theo hướng mở để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, phát huy khả năng của trẻ, năng lực sở trường của từng giáo viên.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn áp dụng sáng kiến nâng cao chất lượng giáo dục vào thực tiễn giảng dạy cho đội ngũ từng giáo viên.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thông qua các hoạt động sự kiện, sinh hoạt chuyên môn, tham quan, trải nghiệm.

- Phối hợp với các đoàn thể, phụ huynh học sinh tham gia hưởng ứng xây dựng cảnh quang môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - hạnh phúc.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên thông qua sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội giảng và tự học, tự bồi dưỡng. Khuyến khích giáo viên nghiên cứu, áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, lấy trẻ làm trung tâm, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho trẻ. Thực hiện phân công, bố trí công việc phù hợp năng lực, đảm bảo công bằng, công khai, đúng quy định.

- Tăng cường kiểm tra, dự giờ góp ý, rút kinh nghiệm, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ.

- Thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phong phú, mở, kích thích sự tìm tòi, sáng tạo của trẻ. Khuyến khích giáo viên sáng tạo đồ dùng – đồ chơi tự làm từ nguyên vật liệu mở.

(Dự kiến chủ đề, sự kiện, Mục tiêu, nội dung hoạt động các độ tuổi theo Phụ lục đính kèm)

3.2. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm

a) Chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”

* Nhiệm vụ

- 100% trẻ 3-5 tuổi trong nhà trường có nhận thức, kỹ năng, thái độ về an toàn giao thông (ATGT).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường tiếp tục tự bồi dưỡng nâng cao năng lực về quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục ATGT cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương.

- Huy động sự tham gia của gia đình và xã hội, tạo sự thống nhất trong giáo dục ATGT cho trẻ trong nhà trường.

* Giải pháp

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đẩy mạnh công tác truyền thông đến cha mẹ trẻ về pháp luật, bảo đảm trật tự, giáo dục ATGT cho trẻ trong trường mầm non.

- Nâng cao hiệu quả của Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”. Đa dạng các hình thức truyền thông như: Tổ chức sự kiện, đưa tin, phóng sự, tài liệu, tranh, ảnh, phim hoạt hình... về giáo dục ATGT.

- Nâng cao năng lực cho CBQL, GV, NV trong công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục ATGT cho trẻ 3-5 tuổi trong nhà trường.

- Nhân rộng mô hình điểm về thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường, lớp và các cơ sở nhằm trao đổi, học tập chia sẻ kinh nghiệm giữa các lớp trong nhà trường và các SGDMN tư thục nhà trường quản lý, xây dựng cổng trường giao thông an toàn.

- Làm tốt công tác tham mưu cải tạo khu vui chơi giao thông cho trẻ, vẽ lại hệ thống giao thông đường bộ trên sân trường. làm khu vực để các phương tiện, biển báo GT gần khu vui chơi, bổ sung bảng tuyên truyền về giao thông đầu tư thêm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi về chủ đề ATGT, làm tốt công tác tuyên truyền CBGVNV, cha mẹ và trẻ về luật lệ và ý thức trách nhiệm khi tham gia giao thông chỉ đạo các nhóm, lớp tích cực làm thêm đồ chơi, phương tiện giao thông.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông đến CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ về pháp luật bảo đảm trật tự ATGT và giáo dục ATGT cho trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau: hội thảo, hội nghị, tập huấn, tài liệu, tranh, ảnh về giáo dục ATGT...; truyền thông các thông điệp: “Đội mũ cho con - trọn tình cha mẹ”; “Đảm bảo an toàn giao thông - trách nhiệm của mỗi người”; “An toàn giao thông là niềm vui, niềm hạnh phúc của mọi nhà”

- Tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình, tiên tiến trong quá trình triển khai thực hiện chuyên đề.

b) Chuyên đề: “Phòng chống tai nạn thương tích và bảo vệ trẻ em”.

* Nhiệm vụ

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh và trẻ về tầm quan trọng của việc phòng chống tai nạn thương tích và bảo vệ an toàn cho trẻ em.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng trong trường lớp đúng tiêu chuẩn, an toàn, phù hợp độ tuổi.

- Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ: Hình thành cho trẻ những thói quen, kỹ

năng cơ bản để tự bảo vệ bản thân, biết tránh xa nguy hiểm.

- Huy động sự tham gia của cha mẹ và cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ.

- Có kế hoạch quản lý, thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý nguy cơ gây mất an toàn, xây dựng quy trình ứng phó khi có tai nạn xảy ra.

*** Giải pháp**

- Trong nhà trường rà soát, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm (ổ điện hở, đồ vật sắc nhọn, khu vực trơn trượt, hồ nước, công trường...).

- Trang bị phương tiện sơ cứu, tủ thuốc y tế, xây dựng quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp.

- Bồi dưỡng kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ năng xử lý tình huống cho giáo viên, nhân viên.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trò chơi, câu chuyện, tình huống dạy trẻ biết cách phòng tránh tai nạn (bong, điện giật, ngã, đuối nước, ngộ độc...).

- Đối với phụ huynh và cộng đồng

- Phối hợp cùng gia đình hướng dẫn trẻ nề nếp, thói quen sinh hoạt an toàn.

- Tuyên truyền bằng bảng tin, nhóm zalo, họp phụ huynh về các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích tại gia đình (không để trẻ chơi gần ao hồ, không cho nghịch điện, để thuốc và hóa chất ngoài tầm với...).

- Phối hợp với y tế địa phương, chính quyền trong việc xây dựng môi trường sống an toàn cho trẻ em.

- Đối với trẻ

- Giáo dục trẻ kỹ năng tự bảo vệ: biết kêu cứu, gọi người lớn, tránh xa khu vực nguy hiểm.

- Rèn luyện thói quen gọn gàng, trật tự, không chen lấn xô đẩy.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm để trẻ thực hành tình huống giả định: khi bị bong, khi thấy cháy, khi bạn bị ngã, khi bị lạc...

c) Chuyên đề: “Tăng cường kỹ năng sống - hình thành hành vi văn minh, thói quen tốt”.

*** Nhiệm vụ**

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh về vai trò của giáo dục kỹ năng sống, hành vi văn minh, thói quen tốt đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.

- Giáo dục trẻ kỹ năng sống cơ bản: kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề đơn giản, kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

- Hình thành hành vi văn minh, thói quen tốt: biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, giữ vệ sinh cá nhân – môi trường, xếp hàng, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè.

- Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện: tạo điều kiện để trẻ được trải nghiệm, thực hành kỹ năng sống trong các hoạt động hằng ngày.

- Phối hợp gia đình – nhà trường – cộng đồng: đồng hành, nhất quán trong việc rèn kỹ năng sống và hành vi cho trẻ.

- Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh: quan sát, ghi nhận sự tiến bộ của trẻ để có biện pháp kịp thời, phù hợp.

* Giải pháp

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống và hành vi văn minh vào các hoạt động hằng ngày: giờ học, giờ chơi, ăn, ngủ, lao động, ngoại khóa.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: trò chơi nhóm, tham quan, hội thi “bé khéo tay”, ngày hội kỹ năng sống...

- Nêu gương – khen thưởng kịp thời để khuyến khích trẻ thực hiện hành vi tốt. Xây dựng góc kỹ năng sống trong lớp để trẻ thường xuyên được luyện tập.

- Đối với giáo viên: Làm gương trong giao tiếp, ứng xử văn minh, thói quen tốt. Sử dụng tình huống, câu chuyện, trò chơi nhập vai để dạy trẻ.

- Quan tâm, hỗ trợ, uốn nắn nhẹ nhàng, kiên trì khi trẻ chưa thực hiện đúng.

- Thực hành kỹ năng sống phù hợp độ tuổi của trẻ như: tự mặc quần áo, rửa tay, xúc ăn, cất đồ dùng, chào hỏi lễ phép.

- Rèn thói quen văn minh: không chen lấn, biết xin lỗi – cảm ơn, biết nhường nhịn, giữ gìn đồ chơi chung.

- Cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm tình huống để rèn phản xạ hàn

- Phối hợp rèn thói quen và kỹ năng sống tại gia đình: tự gấp quần áo, dọn đồ chơi, giữ vệ sinh.

- Thống nhất phương pháp giáo dục giữa nhà trường – gia đình, tránh nuông chiều hoặc áp đặt.

d) Chuyên đề xây dựng trường MN hạnh phúc LTLTT.

4. Công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

a) Nhiệm vụ

- 100% giáo viên xây dựng và triển khai kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo đủ 35 tuần theo quy định, trong đó lồng ghép đầy đủ nội dung phối hợp với cha mẹ vào kế hoạch của nhóm lớp.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy con cho cha mẹ trẻ, tạo sự thống nhất trong phương pháp giáo dục trẻ giữa gia đình và nhà trường.

- Phát huy vai trò phối hợp giữa giáo viên – cha mẹ trẻ – cộng đồng trong

việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

- 100% các lớp mẫu giáo và nhà trẻ có góc tuyên truyền và có đủ tài liệu tranh ảnh tuyên truyền.

- Làm tốt công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con khoa học, phòng chống bạo lực, lạm dụng trẻ em.

- Vận động phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục, phong trào của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo tháng năm, viết bài tuyên truyền thông qua đài phát thanh của phường, trang Website...

b) Giải pháp

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền thông qua họp cha mẹ trẻ, qua trang zalo nhóm lớp, trang website của nhà trường.

- Phụ trách nhân viên y tế viết bài tuyên truyền với các nội dung cập nhật thường xuyên về tình hình dịch bệnh, cách phòng, chống bệnh theo mùa.

- Các tổ chuyên môn viết bài tuyên truyền gửi đài truyền thanh xã để phát vào các tháng trong năm.

- Nhà trường có Quy chế phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương đảm bảo an toàn cho trẻ, CBGVNV.

- Xây dựng góc tuyên truyền của nhà trường bằng những hình ảnh cụ thể đặt tại khu trung tâm nơi cha mẹ trẻ và khách thường xuyên qua lại. Mỗi lớp lựa chọn 1-2 góc thuận tiện để nhìn để mục đích tuyên truyền đạt hiệu quả cao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo trường

- Rà soát, bổ sung các điều kiện về cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đạt hiệu quả.

- Đề ra nội dung thực hiện cụ thể từng tháng đảm bảo hoạt động đồng bộ hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GVNV đảm bảo chất lượng thông qua sinh hoạt chuyên môn.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên thực hiện kế hoạch NDCSGD năm học đã đề ra.

- Phát động các phong trào thi đua trong CBGVNV theo từng chủ đề trong năm học thiết thực, hiệu quả.

- Biểu dương khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình xuất sắc

2. Các tổ chuyên môn và văn phòng

- Có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục của tổ cụ thể theo từng tháng và triển khai tới toàn thể giáo viên, nhân viên.

- Tổ chức triển khai, kiểm tra điều chỉnh bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tế.

- Cập nhật thông tin, báo cáo số liệu chính xác, kịp thời đúng thời gian quy định.

3. Giáo viên

- Căn cứ vào kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường, của tổ chuyên môn, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với điều kiện của lớp.

- Thực hiện dạy chuyên đề theo đúng lịch phân công, tham gia sinh hoạt chuyên môn, học tập bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiêm túc hiệu quả. Tự nghiên cứu học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4. Nhân viên

- Thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của Hiệu trưởng.

- Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm và chấp hành nội quy của nhà trường.

- Bảo đảm an toàn cho trẻ em trong ăn, uống và sinh hoạt tại nhà trường. Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, bảo đảm không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ em.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của bản thân và nhà trường; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; thực hiện quy tắc ứng xử của nhân viên theo quy định.

LỊCH TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG:

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|---------------------|--|------------------------------|
| Tháng 9/2025 | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN do sở giáo dục tổ chức. - Xây dựng kế hoạch NDCSGD năm học 2025 - 2026. - Xây dựng kế hoạch BDTX cho cán bộ quản lý, GVMN. - Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đầu năm. - SHCM theo NCBH - Học tập BDTX: - Chỉ đạo tổ chức chủ đề sự kiện: Ngày hội đến trường. - Cập nhật thông tin trẻ, đối soát điều tra PCGDTE5T | |

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|---------------|---|-----------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật phần mềm cơ sở dữ liệu ngành - Chỉ đạo giáo viên các lớp tiếp nhận đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân trẻ. - Triển khai đánh giá bộ công cụ thực hiện chương trình. - Kiểm kê, bàn giao thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm lớp. Rà soát các điều kiện, tiêu chuẩn về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở GDMN theo Bảng kiểm tại Thông tư số 45/2011/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 * Chăm sóc, nuôi dưỡng - Chỉ đạo làm tốt công tác vệ sinh môi trường bếp ăn, đồ dùng dụng cụ nấu, chia ăn theo đúng lịch. - Điều chỉnh thực đơn của trẻ để đảm bảo cân đối các chất. - Tổ chức cân, đo chắm biểu đồ Quý 1/2025 từ ngày 10,12/09/2025 cho 100% trẻ trong trường. Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để chăm sóc tốt những trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi. - Tổ chức bồi dưỡng, tuyên truyền và cách phòng tránh dịch bệnh tay, chân, miệng, cúm A, sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác. - Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở bếp, dự giờ khảo sát giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng đầu năm. - Huy động cháu đến lớp và ăn ở bán trú đảm bảo kế hoạch giao. | |
| Tháng 10/2025 | <ul style="list-style-type: none"> * Giáo dục: - Học tập BDTX - Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyên đề “XDTMNLTLTT xây dựng môi trường GD trong và ngoài lớp”. Lòng ghép nội dung Quyền con người. - Kiểm tra hồ nội bộ theo kế hoạch - Chỉ đạo các lớp tổ chức lòng ghép hoạt động sự kiện ngày 20/10. - Ký duyệt kế hoạch NDCSGD của giáo viên. - Chỉ đạo tổ chức chủ đề sự kiện: Vui tết trung thu * Chăm sóc, nuôi dưỡng - Cân, đo trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng. - Kiểm tra công tác chăm sóc trẻ, dự giờ ăn, ngủ, giờ vệ sinh. - Kiểm tra công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay, chân, miệng, dịch đau mắt đỏ... | |

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|---|---|-----------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo giáo viên rèn kỹ năng vệ sinh cho trẻ, kiểm tra đột xuất các nhóm lớp công tác chăm sóc trẻ. - Dự giờ quy trình chế biến món ăn nhân viên nuôi dưỡng. - Phối hợp với Trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ đầu năm học. - Thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh theo mùa như Cúm A, sốt xuất huyết... và các dịch bệnh khác. | |
| <p style="text-align: center;">Tháng 11/2025</p> | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học tập BDTX: Bồi dưỡng các phương pháp trong thực hiện chương trình GDMN - Ký duyệt kế hoạch NDCSGD của giáo viên. - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 - Tiếp tục rèn nề nếp trẻ, thực hiện CTGD - SHCM theo NCBH: - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch + Kiểm tra hồ sơ nuôi ăn bán trú. - Dự giờ đánh giá chất lượng tổ chức các hoạt động của giáo viên. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân, đo trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng. - Kiểm tra công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trên lớp và công tác giao nhận thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp. - Dự giờ ăn, giờ vệ sinh trên nhóm lớp. | |
| <p style="text-align: center;">Tháng 12/2025</p> | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký duyệt kế hoạch NDCSGD trẻ - Học tập BDTX: - Kiểm tra nội bộ - Dự giờ bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung đồ dùng chống rét và phòng chống dịch bệnh mùa đông cho các lớp (Chăn, chiếu, xốp...) - Chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên duy trì tốt nề nếp vệ sinh môi trường, nhóm lớp. - Kiểm tra, giám sát việc giao nhận thực phẩm, điều chỉnh thực đơn thay đổi theo mùa. - Cân đo trẻ vào biểu đồ quý 2/2025, theo dõi sức khỏe của trẻ suy dinh dưỡng trên biểu đồ. Phối hợp tuyên | |

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|----------------------|--|-----------------------|
| | truyền tốt với phụ huynh để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi - Kiểm tra đột xuất công tác CSND, vệ sinh các nhóm lớp. | |
| Tháng 01/2026 | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký duyệt kế hoạch NDCSGD trẻ - Kiểm tra nội bộ theo KH - Đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên học kỳ 1. - Tổ chức cho giáo viên học tập BDTX theo kế hoạch. - Sắp xếp CBQL, GV tham dự đầy đủ các buổi chuyên đề do sở GD tổ chức. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra công tác phòng chống rét và dịch bệnh mùa đông, công tác chăm sóc trẻ ăn, ngủ, vệ sinh. - Kiểm tra, giám sát việc giao nhận thực phẩm. - Cân, đo trẻ dưới 24 tháng. Theo dõi sức khỏe của trẻ suy dinh dưỡng. - Sơ kết công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ học kỳ 1. | |
| Tháng 02/2026 | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức chủ đề sự kiện: Lễ hội mừng xuân - Tuyên truyền về giáo dục an toàn giao thông trong dịp nghỉ tết - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Dự giờ đánh giá chất lượng tổ chức các hoạt động của giáo viên. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cơ sở vật chất trước và sau tết. - Chỉ đạo giáo viên đảm bảo an toàn cho trẻ, quan tâm chăm sóc trẻ ở mọi lúc, mọi nơi. - Kiểm tra hoạt động của bếp ăn, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường xung quanh, chăm sóc trẻ và phòng chống dịch bệnh cho trẻ. - Cân, đo trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng - Kiểm tra, giám sát việc giao nhận thực phẩm. - Tuyên truyền về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. | |
| Tháng 3/2026 | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ xung góc tuyên truyền công tác vệ sinh chăm sóc sức khỏe trẻ khi thời tiết giao mùa. - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Tổ chức các hoạt động sự kiện chào mừng ngày Quốc | |

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|----------------------------|--|-----------------------|
| | <p>tế phụ nữ 8/3.</p> <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo các bếp đảm bảo giữ vệ sinh an toàn thực phẩm trong điều kiện thời tiết chuyển mùa. - Chỉ đạo tổ chức tốt bữa ăn, giấc ngủ cho trẻ, đảm bảo nước đủ uống cho trẻ theo yêu cầu. - Cân và theo dõi sức khỏe trên biểu đồ quý 3/2026 100% trẻ, thông báo kết quả với cha mẹ trẻ để cùng phối hợp CSND trẻ. - Kiểm tra thực hiện thực đơn và việc giao nhận thực phẩm, tài chính công khai ở bếp ăn. - Dự giờ qui trình chế biến món ăn nhân viên nuôi dưỡng. - Dự giờ ăn, giờ vệ sinh trên nhóm lớp. | |
| <p>Tháng 4/2026</p> | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội bộ: + Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ GV + Kiểm tra việc đánh giá trẻ của giáo viên. - Thực hiện đánh giá công tác bồi dưỡng thường xuyên. - Tiếp tục tuyên truyền về một số bệnh giao mùa, cách ăn mặc phù hợp theo mùa. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân đo cho trẻ dưới 24 tháng và trẻ bị duy sinh dưỡng, thông báo kết quả với cha mẹ trẻ để cùng phối hợp CSND trẻ. - Chỉ đạo các lớp làm tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo an toàn cho trẻ. - Kiểm tra, giám sát công tác giao nhận thực phẩm. - Chỉ đạo thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh mùa hè. | |
| <p>Tháng 5/2026</p> | <p>* Giáo dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch - Chỉ đạo các nhóm đánh giá trẻ, hoàn thiện hồ sơ, xây dựng kế hoạch ôn tập. - Khảo sát đánh giá chất lượng trẻ cuối năm gắn với các chuyên đề trong năm. - Bàn giao trẻ 5 tuổi lên lớp Một - Tổ chức tết thiếu nhi 1/6. <p>* Chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp. - Kiểm tra, giám sát công tác giao nhận thực phẩm. | |

| Thời gian | Nội dung công việc | Bổ sung và điều chỉnh |
|------------------|---|------------------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống suy dinh dưỡng trong năm học, báo cáo kết quả với Sở giáo dục và đào tạo. - Hoàn thiện hồ sơ công tác y tế trường học, phòng chống tai nạn thương tích đề nghị cấp trên cấp giấy chứng nhận trường đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ năm học 2025 - 2026. - Tổng hợp số liệu cuối năm học, thanh toán tiền ăn với cha mẹ trẻ. | |

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025 - 2026 của trường mầm non Văn Lý. Yêu cầu các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch để xây dựng và triển khai các hoạt động NDCSGD đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT đề b/c;
- Tổ chuyên môn đề t/h;
- Lưu VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ánh Hồng

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, NỘI DUNG-HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo kế hoạch ND, CS, GD trường mầm non Văn Lý năm học 2025-2026)

I. Độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

| TT | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|--|---------------------|------------------------------------|---------|
| 1 | Trường mầm non - Tết trung thu | 08/9- 12/9/2025 | Trường mầm non Văn Lý của bé | |
| | | 15/9-19/9/2025 | Lớp học của bé | |
| | | 22/9- 26/9/2025 | Đồ dung, đồ chơi của bé | |
| | | 28/9-03/10/2025 | Ngày Tết trung thu | |
| 2 | Bản Thân | 6/10-10/10/2025 | Tôi là ai | |
| | | 13/10-17/10/2025 | Cơ thể tôi | |
| | | 20/10-24/10/2025 | Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | |
| 3 | Gia đình của bé - Ngày nhà giáo Việt Nam | 27/10-31/10/2025 | Gia đình của bé | |
| | | 03/11-7/11/2025 | Ngôi nhà gia đình ở | |
| | | 10/11-14/11/2025 | Đồ dùng trong gia đình. | |
| | | 17/11-21/11/2025 | Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 | |
| 4 | Nghề nghiệp- Ngày thành lập QĐND | 24/11-28/11/2025 | Nghề truyền thống của địa phương | |
| | | 01/12-5/12/2025 | Nghề phổ biến | |
| | | 8/12-12/12/2025 | Nghề sản xuất | |
| | | 15/12-19/12/2025 | Ngày thành lập QĐND Việt Nam | |
| 5 | Động vật | 22/12-26/12/2025 | Động vật nuôi trong gia đình | |
| | | 29/12-02/01/2026 | Động vật sống dưới nước | |
| | | 05/01-9/01/2026 | Động vật sống trong rừng | |
| | | 12/01-16/01/2026 | Những con côn trùng - Chim | |
| 6 | Thực vật-Tết mùa xuân | 19/01-23/01/2026 | Cây xanh và môi trường sống | |
| | | 26/01-30/01/2026 | Rau, củ, quả | |
| | | 02/02-6/02/2026 | Một số loại hoa | |
| | | 9/02-13/02/2026 | Ngày Tết quê em | |
| 7 | Giao thông- Ngày 8/3 | 23/02-27/02/2026 | Các loại phương tiện giao thông | |
| | | 02/3-6/03/2026 | Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 | |
| | | 9/03-13/03/2025 | Luật giao thông đường bộ | |
| 8 | Nước-Hiện tượng tự nhiên | 16/03-20/03/2026 | Một số nguồn nước | |
| | | 23/03-27/03/2026 | Một số hiện tượng tự nhiên | |
| | | 30/03- 03/4/2025 | Tìm hiểu về các mùa trong năm | |
| 9 | Quê hương Đất nước- Bác Hồ | 6/4-10/4/2026 | Quê hương tươi đẹp | |
| | | 13/4-17/4/2026 | Đất nước Việt Nam diệu kỳ | |
| | | 20/4-24/4/2026 | Bác Hồ kính yêu | |
| 10 | Trường tiểu học – Tết thiếu nhi | 27/4-01/5/2026 | Bé chuẩn bị vào lớp Một | |
| | | 4/5-8/5/2026 | Trường tiểu học | |
| | | 11/5-15/5/2026 | Tết thiếu nhi | |

1. Mục tiêu, nội dung hoạt động

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|-------------------------------|----------------------|---------------------|
| 1. Phát triển thể chất | | |
| <i>a. Phát triển vận động</i> | | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| MT1: Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh - Trẻ biết tập các động tác tay – lưng, bụng, lườn - chân | - Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập các động tác tay – lưng, bụng, lườn - chân | |
| MT2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động | - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyụ gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. | |
| MT3: Kiểm soát được vận động khi đi, chạy | - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dẫn theo hiệu lệnh + Chạy 18m trong khoảng 10 giây + Chạy chậm khoảng 100 – 120m | |
| MT4: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động | + Tung, ném, bắt - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. | |
| MT5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập tổng hợp | - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Bò đích dẫn qua 7 điểm. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm - Trèo lên xuống 7 giống thang. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay | |
| MT6: Trẻ biết bật và nhảy | - Bật liên tục vào các vòng. - Bật xa 40-50cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm. - Bật tách khớp chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15-20cm. - Nhảy lò cò 5 m | |
| MT7: Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. Gập mở lần lượt từng ngón tay | - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắm - Lấp ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT8: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt theo đường viền của hình vẽ - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Xé, cắt đường vòng cung - Tô, đồ theo nét - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây | |
| <i>b. Giáo dục sức khỏe và dinh dưỡng</i> | | |
| MT9: Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá,... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả,... | |
| MT10: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. | <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống - Các dạng chế biến: Rau có thể luộc, nấu canh: thịt có thể luộc, rán, kho: gạo nấu cơm, nấu cháo. | |
| MT11: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì,...) | |
| MT12: Thực hiện được một số việc đơn giản <i>như đánh răng, rửa mặt, đi vệ sinh</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. | |
| MT13: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo | <ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng. Không làm rơi vãi, đổ thức ăn | |
| MT14: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống | <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| | - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. | |
| MT15: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh | <ul style="list-style-type: none"> + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt,... + Che miệng khi ho, hắt hơi. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp. | |
| <i>MT16: Trẻ biết và không chơi ở những nơi mất vệ sinh môi trường ô nhiễm.</i> | <i>- Nhận biết một số nơi mất vệ sinh. (Khu chứa rác thải, nơi có xác động vật, nơi ao tù, nước đọng, nơi không khí có mùi độc hại như thuốc trừ sâu, hôi thối...)</i> | |
| MT17: Trẻ nhận ra và không chơi với một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. | - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; Không nghịch các vật sắc nhọn | |
| MT18: Trẻ biết những nơi nguy hiểm và không đến gần | - Biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần | |
| MT19: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh | <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc là không tốt cho sức khỏe | |
| MT20: Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ | <ul style="list-style-type: none"> - Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp - Tránh một số trường hợp không an toàn - Nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại của gia đình | |
| MT21: Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công | - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| cộng về an toàn | <ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt - Không lèo trèo ban công tường rào | |
| 2. Phát triển nhận thức | | |
| a. Khám phá khoa học | | |
| MT22: Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “ Tại sao có mưa?”... | <ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng | |
| MT23: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về các sự vật hiện tượng | <ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Các nguồn nước trong môi trường sống, ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước | |
| MT24: Trẻ biết làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. | <ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm gieo trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển - Một số đặc điểm tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi. | |
| MT25: Trẻ gọi tên nhóm, cây cối, con vật, theo đặc điểm chung. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phân được theo nhóm cây cối, theo một dấu hiệu chung nào đó và nói tên nhóm. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số đồ vật, con vật, cây, hoa, quả... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây | |
| MT26: Nhận ra được sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra sự thay đổi của một số hiện tượng thiên nhiên theo giai đoạn phát triển của cây/ con. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật | |
| MT27: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận | |
| MT28: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu | <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, nhận xét, phân loại theo đặc | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| hiệu khác nhau | điểm, hình dáng, cấu tạo, chất liệu... | |
| MT29: Trẻ biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu. | |
| MT30: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng | <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng: <i>Sự bốc hơi, ngưng tụ của nước...</i> | |
| <i>MT31: Trẻ đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.</i> - <i>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</i> - <i>Nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình. Ví dụ: trời nhiều mây đen sắp mưa.</i> - <i>Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</i> | |
| MT32: Trẻ biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau <i>- Phát triển khả năng tư duy và giải quyết vấn đề</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ra các cách tiếp cận khác nhau để giải quyết vấn đề - Đặt câu hỏi, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khả thi - Cho trẻ tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thí nghiệm, trò chơi nhập vai và các trò chơi giả định | |
| MT33: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát | <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết đối với con người, con vật và cây - Đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi | |
| <i>MT 34: Nhận ra được sự thay đổi trong quá trình phát triển</i> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận ra sự thay đổi của một số hiện tượng thiên nhiên theo giai đoạn phát</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| <i>của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.</i> | <p><i>triển của cây/ con.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật</i> | |
| <p>MT35 : <i>Trẻ biết cấu tạo, đặc điểm, chức năng, cách chăm sóc bảo vệ các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i> - <i>Cách chăm sóc bảo vệ các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i> | |
| <p>MT36: <i>Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 – 3 dấu hiệu</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tìm hiểu về một số phương tiện giao thông</i> - <i>Phân loại PTGT theo 2 – 3 dấu hiệu</i> - <i>Một số quy định, biển báo giao thông đường bộ</i> | |
| <p>MT37: <i>Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thể hiện hành động của người lớn qua trò chơi đóng vai đi chợ, nấu ăn, bác sĩ...</i> - <i>Hát các bài hát về cây cối, con vật</i> - <i>Vẽ, nặn, con vật, cây, đồ dùng...</i> | |
| <p><i>- MT 38: Trẻ nhận biết được một số nội dung về phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm an toàn.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận biết được cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt;</i> - <i>Nhận biết đám cháy. Các dấu hiệu của đám cháy</i> - <i>Nhận biết các vật dễ cháy/nổ.</i> - <i>Nhận biết các chất lỏng có thể gây cháy.</i> - <i>Nhận biết một số hiện tượng có thể gây cháy.</i> - <i>Nhận biết phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy.</i> - <i>Nhận biết các biển chỉ dẫn thoát hiểm.</i> | |
| <p><i>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i></p> | | |
| <p>MT39: <i>Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “đây là mấy?”</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đếm số lượng đồ vật và biết đặt câu hỏi số lượng đồ vật là bao nhiêu</i> - <i>Nhận dạng các chữ số ở xung quanh trẻ.</i> | |
| <p>MT40: <i>Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| đếm theo khả năng | | |
| MT41: Trẻ biết cách so sánh số lượng của 2,3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả so sánh | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo 2, 3 nhóm có số lượng không bằng nhau và so sánh - Tạo 2,3 nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau | |
| MT42: Trẻ biết gộp các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm | <ul style="list-style-type: none"> - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm | |
| MT43: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> - Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm | |
| MT44: Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự đếm theo khả năng. Đếm bằng Tiếng Anh theo khả năng | <ul style="list-style-type: none"> - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - <i>Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được.</i> - <i>Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.</i> - Đếm số lượng bằng Tiếng Anh theo khả năng. | |
| MT45: Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (<i>số nhà, biển số xe, số điện thoại...</i>) | |
| MT46: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu | <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp theo trình tự theo yêu cầu | |
| MT47: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp(mẫu) và sao chép lại | <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc | |
| MT48: Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra quy tắc sắp xếp | |
| MT49: Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả | <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| | đạt kết quả đo | |
| MT50: Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích, theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau | |
| MT51: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn | |
| MT52: Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm - Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ trong tuần - <i>Nói được hôm nay là thứ mấy, ngày mai là thứ mấy.</i> | |
| c. Khám phá xã hội | | |
| MT53: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - <i>Trò chuyện về bản thân của trẻ.</i> - <i>Nói sở thích riêng của bản thân.</i> | |
| MT54: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. | |
| MT55: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình | - Địa chỉ gia đình: (số nhà, đường phố/thôn, xóm, số điện thoại)... khi được hỏi, trò chuyện. | |
| MT56: Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. | |
| MT57: Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong | - Công việc hàng ngày của các cô bác trong trường: Cô cấp dưỡng, bác bảo | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| trường khi được hỏi, trò chuyện. | vệ, <i>- Công việc của các cô trong trường: Cô hiệu trưởng, cô hiệu phó và các cô giáo...</i> | |
| MT58: Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | <i>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</i> | |
| MT59: Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. | <i>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</i> | |
| <i>MT60: Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.</i> | <i>- Trẻ kể tên được một số nghề phổ biến, nói được công cụ và sản phẩm của nghề (nghề làm nuôi tằm, nghề xây...) - Phân biệt được các nghề qua một số đặc điểm (đồ dùng, dụng cụ, sản phẩm...).</i> | |
| MT61: Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. <i>- Trẻ kể tên lễ hội ở quê hương trẻ (Lễ hội đền Trần Thương, Chùa Đọi, hội Đình làng Tả Hà..</i> | <i>- Ngày Quốc khánh 2/9; 30/4; Tết nguyên đán; tết trung thu; tết thiếu nhi. - Lễ hội đền Trần Thương: Chùa Đọi, hội Đình làng Tả Hà...</i> | |
| MT62: Trẻ kể tên và nêu ra một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. <i>- Trẻ kể được tên một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Ninh Bình</i> | <i>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Danh lam thắng cảnh: Chùa Tam Chúc, Chùa Địa Tạng Phi Lai Tự, Chùa Cây Thị... - Di tích lịch sử nhà Bá Kiến, Di tích lịch sử Mộ và Khu lưu niệm Nam Cao.</i> | |
| 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ | | |
| MT63: Trẻ hiểu được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. | <i>- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.</i> | |
| MT64: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát về phương tiện giao | <i>- Hiểu nghĩa của từ khái quát, từ trái nghĩa. (Phương tiện giao thông, động</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| thông, động vật, thực vật, đồ dùng học tập... | vật, thực vật, đồ dùng học tập...) | |
| MT65: Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. | - Chú ý, tập trung lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại (<i>Có những ý kiến cá nhân về người đối thoại</i>) | |
| MT66: Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh trong giao tiếp. - Kể lại truyện được nghe, sự việc theo trình tự | |
| <i>MT67: Biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, khuôn mặt, ánh mắt phù hợp.</i> | - <i>Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng</i> - <i>Nhìn vào mắt người nói.</i> - <i>Gật gù, mỉm cười.</i> - <i>Đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ.</i> | |
| MT68: Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. | - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh... và diễn tả lại cho người khác bằng ngôn ngữ của bản thân. | |
| MT69: Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. | |
| MT70: Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật. | - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”. - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”. | |
| MT71: Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | |
| MT72: Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. | - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh, <i>kể chuyện sáng tạo.</i> | |
| MT73: Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| | - Đóng kịch | |
| MT74: Trẻ biết sử dụng các từ lịch sự, lễ phép và điều chỉnh giọng nói phù hợp trong giao tiếp | Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “ Vâng”... phù hợp với tình huống. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp trong giao tiếp | |
| MT75: Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem. <i>- Trẻ biết hỏi và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung trong sách.</i> | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. <i>- Các câu hỏi liên quan đến nội dung trong sách trẻ đọc.</i> | |
| MT76: Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. <i>- Trẻ biết kể truyện sáng tạo.</i> | - Kể truyện theo đồ vật, theo tranh, kinh nghiệm của bản thân. <i>- Kể truyện sáng tạo.</i> | |
| MT77: Thể hiện được sự thích thú với sách. | - Tìm sách để đọc, yêu cầu người khác đọc sách để nghe. - Thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe cô giáo đọc sách cho cả lớp. - Biết hỏi và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung sách cô đọc. - Thường chơi ở góc sách, “đọc” sách tranh. | |
| MT78: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. | - Trẻ thường xuyên để sách đúng nơi quy định. Cầm sách cẩn thận. - Không: ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, giẫm lên sách. | |
| MT79: Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. | - Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Đọc truyện qua các tranh vẽ | |
| MT80: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. | - Hiểu rằng chữ viết có thể đọc, viết, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (<i>Ví dụ: viết thư, viết thiệp</i>). | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| MT81: Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông... | <p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)</p> <p><i>- Trẻ làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống- Kí hiệu bằng 2 thứ tiếng Việt -Anh (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, giao thông: đường cho người đi bộ ...).</i></p> <p><i>- Nói tên phương tiện giao thông gần gũi; tên các biển báo đơn giản bằng Tiếng Anh.</i></p> | |
| MT82: Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. | - Nhận dạng các chữ cái. | |
| MT83: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. | - Sao chép một số hiệu, chữ cái, tên của mình. | |
| 4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội | | |
| MT84: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ, địa chỉ (như thôn, xã, tỉnh) hoặc số điện thoại | - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa nhà (như thôn, xã, tỉnh), số điện thoại | |
| MT85: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và không làm được <i>khả năng sở thích của bản thân.</i> | <p>- Sở thích, khả năng của bản thân</p> <p>- Biết được vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học</p> <p><i>- Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.</i></p> | |
| MT86: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn | - Điểm giống nhau và khác nhau giữa mình với người khác | |
| <i>MT87: Trẻ biết được quyền của trẻ em và tôn trọng quyền của người khác.</i> | <p><i>- Giáo dục trẻ biết được quyền TE (Quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia và quyền được phát triển)</i></p> <p><i>- Trẻ biết bổn phận, trách nhiệm của mình với bản thân và mọi người, gia đình, cộng đồng, xã hội</i></p> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT88: Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình. <i>Anh chị em phải biết yêu thương đoàn kết</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình - <i>Biết những người anh em họ hàng, gần gũi xung quanh trẻ</i> | |
| MT89: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức | <ul style="list-style-type: none"> - Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức - <i>Thực hiện công việc được giao</i> - <i>Biết giúp đỡ bạn bè và những người thân những công việc vừa sức</i> | |
| MT90: Tự làm một số công việc đơn giản hàng ngày <i>- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Tự làm một số công việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi, kê bàn ghế, cất dọn đồ dùng đồ chơi...) | |
| MT91: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao <i>- Bộc lộ cảm xúc qua nét mặt khi hoàn thành công việc</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc được giao đến cùng và giúp đỡ những người xung quanh hoàn thành nhiệm vụ | |
| MT92: Nhận biết được một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, giọng nói của người khác | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh, âm nhạc | |
| MT93: Trẻ biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ | <ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau | |
| MT94: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè và <i>những người xung quanh</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Biết yêu thương, quan tâm, động viên, chia sẻ với người thân và bạn bè | |
| MT95: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số hình ảnh gắn với hoạt động của Bác | <ul style="list-style-type: none"> - Biết hình ảnh Bác Hồ và một số hình ảnh gắn với hoạt động của Bác (Chỗ ở, nơi làm việc...) <i>quê Bác, Lăng Bác...</i> | |
| MT96: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết và thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước - <i>Trẻ đi thăm quan Đình làng Lạng, Tổ quốc ghi công.</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|----------------------------|
| <i>- Trẻ nói được về đẹp, cảm xúc của mình khi được đến tham quan di tích lịch sử</i> | | |
| MT97: Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ - Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | |
| MT98: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng | <ul style="list-style-type: none"> - Biết cất đồ chơi vào nơi quy định sau khi chơi - Giờ ngủ không làm ồn - Biết vâng lời ông bà, bố mẹ. | |
| MT99: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, lễ phép với người lớn | <ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi khi có lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn | |
| MT100: Trẻ biết lắng nghe người khác nói không ngắt lời người khác | <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói cử chỉ, lễ phép, lịch sự, không ngắt lời người khác - <i>Học cách lắng nghe và tập bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi/thảo luận với người khác</i> | |
| MT101: Biết chờ đến lượt | <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng hợp tác, chấp nhận <i>những nội quy, quy định của trường lớp và nơi công cộng</i> | |
| MT102: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận chia sẻ kinh nghiệm với bạn | <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn và <i>những người xung quanh trẻ</i> | |
| MT103: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn...) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“ sai”, “tốt” – “xấu” | |
| MT104: Trẻ thích chăm sóc cây và con vật quen thuộc | <ul style="list-style-type: none"> - Thích chăm sóc, bảo vệ con vật và cây cối | |
| MT105: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định và nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (Không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) | <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ rác đúng nơi quy định - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Không bẻ cành bứt hoa - <i>Không để tràn nước khi đi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| MT106: Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng... | <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm trong sinh hoạt - Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng - Không để thừa thức ăn - Khóa vòi nước sau khi dùng | |
| <i>MT107: Yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết các hành động bảo vệ cơ thể của bản thân và của người khác - Trẻ tôn trọng cơ thể của mình và của người khác. | |
| <i>MT108: Trẻ được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ được tự do lựa chọn các hoạt động vui chơi, học tập ở lớp theo ý thích của trẻ. - Trẻ được công bằng, bình đẳng trong các hoạt động. | |
| <ul style="list-style-type: none"> - MT 109: Trẻ có một số kỹ năng đơn giản để tránh gặp phải nguy hiểm, tự bảo vệ bản thân, biết giúp đỡ người khác. | <ul style="list-style-type: none"> - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ. - Không cho người lạ ôm, bế, sờ vào các vùng nhạy cảm. Phải nói với bố, mẹ, cô giáo khi người khác có hành động sàm sỡ mình. - Ở những nơi đông người như chợ, siêu thị...nếu bị lạc thì phải đứng yên một chỗ chờ bố mẹ, người thân đến đón. - Tìm chú công an, bảo vệ, người lớn đáng tin cậy nhờ gọi điện cho bố mẹ, người thân khi bị lạc. - Bình tĩnh, kêu to, ra tín hiệu để mọi người biết là mình đang gặp nguy hiểm. - Nhớ các số điện thoại khẩn cấp: 113, 115..., có kỹ năng gọi điện thoại. - Không mở cửa, mở cổng cho người lạ khi không có người lớn ở nhà. - Có một số kỹ năng: đóng kín cửa, dùng khăn ướt chặn khe cửa, chạy lên tầng cao, mở cửa, phát tín hiệu để mọi người biết...khi có cháy. | |
| 5. Phát triển thẩm mỹ | | |
| MT110: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá bắt chước âm | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| <p>thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng.</p> | <p>và ngắm nhìn vẻ của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống</p> | |
| <p>MT111: Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc | |
| <p>MT112: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, phân tích (về màu sắc, hình dáng, bố cục ...) và nói lên cảm xúc của mình về các tác phẩm tạo hình | |
| <p>MT113: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm, phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... <i>Hát một số câu hát Tiếng Anh đơn giản phù hợp dành cho trẻ em.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau. Nhận ra sắc thái của các bài hát - <i>Hát đúng lời bài hát</i> - <i>Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em</i> - <i>Nghe và hát nhạc tiếng Anh đơn giản dành cho trẻ em.</i> | |
| <p>MT114: Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hát và vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát - Múa các động tác cơ bản, vỗ tay theo nhịp, tiết tấu | |
| <p>MT115: Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm (<i>hột hạt, lá cây, rom rạ, len...</i>) | |
| <p>MT116: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thích, hình dáng, đường nét và bố cục | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|----------------------------|
| cục cân đối | | |
| MT117: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa bố cục cân đối | <ul style="list-style-type: none"> - Cắt, xé các nhát thẳng, <i>xé theo dải, xé vụn thành nhiều mảnh</i> - Dán tạo ra sản phẩm đơn giản | |
| MT118: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay để tạo ra sản phẩm - <i>Biết làm lõm, dõ bẹt, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm</i> | |
| MT119: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng các hình, khối, đồ vật xếp tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | |
| MT120: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục - <i>Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn</i> | |
| MT121: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo bản nhạc, bài hát quen thuộc | <ul style="list-style-type: none"> - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo bản nhạc, bài hát yêu thích - Vận động theo ý thích - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | |
| MT122: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. | |
| MT123: Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói lên ý tưởng tạo hình của mình và đặt tên cho sản phẩm của mình. - <i>Có ý thức giữ gìn, bảo vệ, tôn trọng sản phẩm nghệ thuật của bản thân và người khác.</i> | |
| MT124: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | <ul style="list-style-type: none"> - Tự đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình theo ý thích | |

II. Độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

| TT | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|--|---------------------|------------------------------------|---------|
| 1 | Trường mầm non - Tết trung thu | 8/9-12/9/2025 | Trường mầm non Văn Lý của bé | |
| | | 15/9-19/9/2025 | Lớp học của bé | |
| | | 22/9-26/9/2025 | Đồ dung, đồ chơi của bé | |
| | | 29/9- 03/10/2025 | Ngày tết trung thu | |
| 2 | Bản thân | 6/10-10/10/2025 | Tôi là ai | |
| | | 13/10- 17/10/2025 | Cơ thể tôi | |
| | | 20/10- 24/10/2025 | Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | |
| 3 | Gia đình của bé-Ngày nhà giáo Việt Nam | 27/10 - 31/10/2025 | Gia đình của bé | |
| | | 03/11- 07/11/2025 | Ngôi nhà gia đình ở | |
| | | 10/11-14/11/2025 | Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 | |

| TT | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|---|---------------------|-----------------------------------|---------|
| | | 17/11-21/11/2024 | Đồ dùng gia đình | |
| 4 | Nghề nghiệp- Ngày thành lập QĐND | 24/11- 28/11/2025 | Nghề phổ biến | |
| | | 01/12 - 05/12/2025 | Nghề truyền thống của địa phương | |
| | | 08/12-12/12/2025 | Nghề sản xuất | |
| | | 15/12-19/12/2025 | Ngày thành lập QĐND Việt Nam | |
| 5 | Động vật | 22/12-26/12/2025 | Động vật nuôi trong gia đình | |
| | | 29/12-02/01/2026 | Động vật sống dưới nước | |
| | | 05/01-9/01/2026 | Động vật sống trong rừng | |
| | | 12/01-16/01/2026 | Những con côn trùng - Chim | |
| 6 | Thực vật – Tết, mùa xuân | 19/01-23/01/2026 | Cây xanh và môi trường sống | |
| | | 26/01- 30/01/2026 | Một số loại hoa, quả, rau | |
| | | 02/02 - 06/02/2026 | Cây lương thực | |
| | | 09/02 - 13/02/2026 | Ngày Tết quê em | |
| | | 16/02-20/02/2026 | Nghi tết | |
| 7 | Giao thông- Ngày 8/3 | 23/02 - 27/02/2026 | PTGT đường bộ - đường sắt | |
| | | 02/03 - 06/03/2026 | Ngày quốc tế phụ nữ 8-3 | |
| | | 09/03-13/03/2026 | PTGT đường thủy - đường không | |
| | | 16/03 - 20/03/2026 | Một số luật giao thông đường bộ | |
| 8 | Nước - HTTN | 23/03 - 27/03/2026 | Một số nguồn nước | |
| | | 30/03-03/4/2026 | Một số hiện tượng tự nhiên | |

| TT | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|---|---------------------|-----------------------------------|---------|
| | | 06/04-10/4/2026 | Tìm hiểu về các mùa trong năm | |
| | | 13/4-17/4/2026 | Mùa hè | |
| 9 | Quê hương - Đất nước- Bác Hồ - tết thiếu nhi | 20/4-24/4/2026 | Quê hương tươi đẹp | |
| | | 27/4- 29/4/2026 | Đất nước Việt Nam diệu kỳ | |
| | | 04/5-08/5/2026 | Bác Hồ kính yêu | |
| | | 11/5-15/5/2026 | Tết thiếu nhi | |

2. Mục tiêu, nội dung- hoạt động

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| 1. Giáo dục phát triển thể chất | | |
| a) Phát triển vận động. | | |
| MT1: Thực hiện được đầy đủ, đúng nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh | - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, <i>tay, lưng, bụng, lườn, chân.</i> | |
| MT2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi vận động <i>đi và chạy</i> | - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước dồn trước, dồn ngang - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bằng gót chân, đi khuy gối, đi lùi - Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT3: Kiểm soát được vận động đi, chạy khi thay đổi hướng | <ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc) | |
| MT4: Trẻ phối hợp tay – mắt trong tung, đập, ném, bắt bóng | <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập và bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích bằng một tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2,5m). | |
| MT5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập tổng hợp | <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) - Bò trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài | |
| MT6: Vận động nhanh nhẹn, khéo léo trong các vận động bò, trườn, trèo | <ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 5 gióng thang | |
| MT7: Trẻ thực hiện được các vận động bật – nhảy | <ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35-40cm - Bật nhảy từ độ cao xuống (cao 30-35cm) - Bật tách chân khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản 10-15 cm - Nhảy lò cò 3m | |
| MT8: Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay, ngón tay. | <ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn bàn tay, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi. - Gập giấy. - Lắp ghép hình | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| MT9: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp được tay, mắt trong một số hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> - Tô, vẽ hình - Xé, cắt đường thẳng - Cài, cởi cúc, khâu và buộc dây - Xé, cắt đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối - Biết tết sợi đôi | |
| b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | |
| MT10: Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, trứng... giàu chất đạm - Rau, củ, quả.... nhiều vitamin - Cơm, canh, bánh mì, bún phở nhiều chất bột đường | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...) | |
| MT11: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản như(rau có thể luộc nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo,...) | |
| MT12: Biết ích lợi của thức ăn đối với sức khỏe | <ul style="list-style-type: none"> - Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Trẻ được ăn uống theo nhu cầu, được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe | |
| MT13: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | |
| MT14: Trẻ có một số hành | <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| vi tốt trong ăn uống | <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã - <i>Khi ăn không nói chuyện, không nô nghịch khi ăn.</i> | |
| MT15: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt,... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định | |
| MT16: Nhận ra và tránh một số vận dụng nguy hiểm | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. - Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - <i>Biết một số chất tẩy rửa không nên nghịch: nước lau nhà, nước tẩy bồn cầu,</i> | |
| MT17: Nhận ra một số nơi nguy hiểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra những nơi hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm không chơi gần - <i>Nhận ra lòng đường nơi có nhiều phương tiện giao thông đi lại là nơi nguy hiểm không được chơi.</i> - <i>Không chơi ở đù, ở cầu thang.</i> | |
| MT18: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống và khi ăn các loại quả có hạt - Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - <i>Không đi theo và nhận quà của người</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| | <i>lạ.</i> | |
| MT19: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ | <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết. | |
| MT20: Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ sức khỏe của bản thân | <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. | |
| 2) Phát triển nhận thức | | |
| a) Khám phá khoa học | | |
| MT21: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướm?.... | <p>Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước | |
| MT22: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném để tìm hiểu đặc | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông . | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| điểm của sự vật hiện tượng xung quanh | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - Một số đặc điểm tính chất của nước. Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây | |
| MT23: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết làm các thí nghiệm đơn giản (<i>pha màu/đường/ muối vào nước</i>) dưới sự gợi ý, hướng dẫn của cô. - Quan sát, so sánh và nêu kết quả. | |
| MT24: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng. | |
| MT25: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu | <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu. | |
| MT26: Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn” | <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống | |
| MT27: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan sát sự vật, đối tượng đưa ra nhận xét và cách giải quyết phù hợp | |
| MT28: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự | <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét đối tượng - Đàm thoại về đối tượng | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát | <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả | |
| MT29: Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện hành động của người lớn qua trò chơi đóng vai đi chợ, nấu ăn, bác sĩ... - Hát các bài hát về cây cối, con vật - Vẽ, nặn, con vật, cây, đồ dùng... | |
| MT30: Biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể | - Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các giác quan và các bộ phận trên cơ thể. | |
| <i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i> | | |
| MT31: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng ở xung quanh | <ul style="list-style-type: none"> - Tập đếm số lượng đồ vật - Nhận dạng các chữ số ở xung quanh trẻ. | |
| MT32: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng | |
| MT33: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo 2 nhóm có số lượng không bằng nhau và so sánh - Tạo 2 nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau | |
| MT34: Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 và nói được kết quả | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm, <i>nói kết quả</i> | |
| MT35: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn | - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn, <i>đếm so sánh và nói kết quả.</i> | |
| MT36: Trẻ biết sử dụng các | - Trẻ biết đếm số lượng và gắn thẻ số | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự | <p>phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thứ tự các số từ 1-5 - Nhận biết và sử dụng các chữ số từ 1-5 để chỉ số lượng. | |
| MT37: Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được ý nghĩa của các con số khi ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày như: biển số nhà, biển số xe, số điện thoại,... | |
| MT38: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra quy luật sắp xếp của 3 đối tượng. - Tạo ra quy tắc sắp xếp - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc | |
| MT39: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả và so sánh. | <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo - So sánh kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều cao của 2-3 đối tượng - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước | |
| MT40: Trẻ chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai hình (Hình tròn và hình tam giác hình vuông và hình chữ nhật) | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên gọi, đặc điểm của các hình,... - Chỉ ra các điểm giống và khác nhau của các 2 hình: hình tròn, hình tam giác, hình vuông và hình chữ nhật. | |
| MT41: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản | <ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu | |
| MT42: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau, phía trên – phía dưới, phía phải – phía trái) | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT43: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối. - <i>Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.</i> | |
| c) Khám phá xã hội | | |
| MT44: Trẻ nói được họ và tên, giới tính, của bản thân khi được hỏi và trò chuyện | <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về bản thân của trẻ tên, tuổi, đặc điểm bên ngoài. - Nói sở thích riêng của bản thân | |
| MT45: Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện xem ảnh về gia đình | <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện về gia đình của mình - Nói được tên của bố, mẹ và người thân trong gia đình, công việc của từng người trong gia đình. - Một số nhu cầu của gia đình. | |
| MT46: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết số nhà, đường phố/thôn, xóm nhà mình khi được hỏi, trò chuyện | |
| MT47: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp | <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về trường, lớp - Biết và nói được tên, địa chỉ của trường, lớp. | |
| MT48: Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên cô giáo, công việc của cô giáo và các cô các bác trong trường | |
| MT49: Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <i>Biết tôn trọng, chấp nhận sự khác biệt của bản thân và người khác không có sự phân biệt đối xử kỳ thị.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường. - <i>Trẻ hiểu được mỗi người có đặc điểm bên ngoài và sở thích khác nhau nhưng tất cả đều được tôn trọng, không có sự phân biệt đối xử kỳ thị.</i> | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT50: Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm và lợi ích của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: <i>Nghề mộc, nghề nông, thợ xây,...</i> | |
| MT 51: Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội | - Kể được một số đặc điểm của một số ngày lễ hội: <i>ngày mừng 2/9, Tết trung thu, Tết nguyên đán, Tết thiếu nhi...</i> | |
| MT52: Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương | - Trẻ biết đặc điểm nổi bật của một số di tích danh lam thắng cảnh, lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương: <i>Đền chùa, nghĩa trang liệt sỹ, Lễ hội đình làng Lạng, ...</i> | |
| <i>MT 53: Trẻ biết được quyền, nghĩa vụ/bổn phận của bản thân.</i> | <i>- Trẻ biết được các quyền của trẻ: Quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được phát triển, quyền được tham gia. - Biết được bổn phận của trẻ em đối với bản thân, đối với gia đình.</i> | |
| 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ | | |
| MT54: Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp | - Hiểu và làm theo 2 - 3 yêu cầu, ví dụ: <i>Cháu lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng” (rửa tay, rửa mặt xong vặn vòi nước; ăn xong, xếp ghế, lau miệng...)</i> | |
| MT55: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ.. | - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất công dụng công dụng của rau quả, con vật, đồ gỗ,... và các từ biểu cảm. | |
| MT56: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại | - Trẻ biết lắng nghe, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp với người đối thoại: <i>Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?...</i> | |
| MT57: Trẻ biết nói rõ để người khác có thể hiểu | - Trò chuyện với người xung quanh | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| được | - Trả lời và đặt các câu hỏi đàm thoại | |
| MT58: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... | - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... miêu tả lại cho người khác hiểu bằng ngôn ngữ của bản thân | |
| MT59: Trẻ biết sử dụng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức, ... - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - <i>Sử dụng các câu đơn, câu phức, câu ghép,... các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp</i> | |
| MT60: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tự kể lại những sự việc diễn ra, hoặc được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. | |
| MT61: Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè - <i>Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi về đồ dùng gia đình, đồ chơi trong trường mầm non, về các con vật, cây cối,...</i> | |
| MT62: Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc | <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách - <i>Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.</i> - <i>Hiểu được nội dung câu chuyện, kể rõ ràng</i> | |
| MT63: Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện | <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ nghe và bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện đã được nghe. - Đóng kịch | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| MT64: Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô”, “Mời bạn”, “Cảm ơn”, “Xin lỗi” trong giao tiếp. | <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ sử dụng các từ như: “Mời cô”, “Mời bạn”, “Cảm ơn”, “Xin lỗi” trong giao tiếp. - <i>Thực hiện 1 số hành vi văn hoá và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn....</i> | |
| MT65: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | <ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. | |
| MT66: Trẻ biết chọn sách để xem | <ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - <i>Biết trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung sách.</i> | |
| MT67: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh | <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện theo tranh minh họa - Kể chuyện sáng tạo | |
| MT68: Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giở từng trang để xem tranh ảnh | <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách | |
| MT69: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm | <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm... - <i>Biết một số ký hiệu đồ dùng cá nhân, biển báo giao thông, thùng rác, thoát hiểm ...</i> - <i>Trẻ biết tránh xa những nơi nguy hiểm</i> - <i>Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong một số trường hợp khẩn cấp: số điện thoại của lực lượng cứu thương (115), cứu hộ (114), công an (113)</i> | |
| MT70: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, làm thiệp chúc mừng... | <ul style="list-style-type: none"> - Tập tô, tập đồ các nét chữ | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| MT71: Trẻ có biểu tượng ban đầu về chữ cái, chữ viết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, tập đồ các nét chữ - Làm quen với việc viết Tiếng Việt (Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau dấu. | |
| <i>MT72: Trẻ biết làm quen, hứng thú và yêu thích với Tiếng Anh.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Biết 1 số từ chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh đơn giản</i> - <i>Trẻ nói được 1 số từ đơn giản về số, màu sắc, bằng tiếng Anh theo chủ đề.</i> - <i>Trẻ nói được một số từ đơn giản bằng tiếng một số câu giao tiếp đơn giản Xin chào (Hello, hi), Tạm biệt (Good bye)</i> | |
| 4) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội | | |
| MT73: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. | <ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Nói được tên bố, mẹ. - <i>Hiểu được mỗi người trong gia đình có thể khác nhau về đặc điểm bên ngoài, sở thích, tính cách, khả năng... nhưng tất cả đều được tôn trọng.</i> | |
| MT74: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | <ul style="list-style-type: none"> - Sở thích, khả năng của bản thân - <i>Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.</i> | |
| MT75: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích | <ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn đồ chơi mình thích, không thích. - Nói được vì sao thích, không thích - <i>Biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của bản thân. Biết tôn trọng sở thích của các bạn và người khác</i> | |
| MT76: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi) - <i>Bộc lộ cảm xúc qua nét mặt khi hoàn thành công việc.</i> | |
| MT77: Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói cử chỉ, qua tranh, ảnh | qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh | |
| MT78: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên | - Biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên phù hợp qua cử chỉ giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình. | |
| MT79: Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ | - Trẻ biết tên gọi đặc điểm, hình dáng bên ngoài của Bác Hồ - Trẻ biết Lăng Bác Hồ là nơi Bác yên nghỉ. | |
| MT80: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ | - Kính yêu Bác Hồ - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | |
| MT81: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: đền Trần Thương, chùa, đình Vĩnh Trụ, chùa Tam Chúc, nhà tưởng niệm nhà văn chiến sỹ Nam Cao... | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước như đền Trần Thương, chùa, đình Quan Lạn, chùa Tam Chúc, nhà tưởng niệm nhà văn chiến sỹ Nam Cao... | |
| MT82: Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình | - Biết cất đồ chơi vào nơi quy định sau khi chơi - Trật tự khi ăn khi ngủ; đi bên phải lề đường - Biết vâng lời ông bà, bố mẹ. | |
| MT83: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép | - Dạy trẻ nói lời cảm ơn, xin lỗi khi có lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn | |
| MT84: Trẻ biết chú ý nghe cô nói, bạn nói | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Học cách lắng nghe và tập bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi/thảo luận với người khác | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| MT85: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở | - Biết chờ đến lượt, hợp tác <i>trong các hoạt động</i> | |
| MT86: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật) | - Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật) - Quan tâm, giúp đỡ bạn | |
| MT87: Trẻ biết quan tâm đến môi trường | - Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không bẻ cành bứt hoa - Không để tràn nước khi đi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng - Phân biệt hành vi đúng-sai, tốt- xấu. | |
| <i>MT88: Yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác.</i> | - <i>Trẻ biết các hành động bảo vệ cơ thể của bản thân và của người khác</i> - <i>Trẻ tôn trọng cơ thể của mình và của người khác.</i> <i>- Trẻ biết một số kỹ năng bảo vệ bản thân phòng chống xâm hại trước những nguy cơ bạo lực.</i> <i>- Trẻ có kỹ năng phòng tránh một số nguy cơ xâm hại trẻ em (vùng nhạy cảm, quy tắc 5 ngón tay, quy tắc đồ lót,)</i> | |
| <i>MT89: Trẻ được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động.</i> | - <i>Trẻ được tự do lựa chọn các hoạt động vui chơi, học tập ở lớp theo ý thích của trẻ.</i> - <i>Trẻ được công bằng, bình đẳng trong các hoạt động.</i> | |
| 5) Phát triển thẩm mỹ | | |
| MT90: Trẻ có cảm xúc vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng | tác phẩm nghệ thuật. | |
| MT91: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thích thú hát, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc - Thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ - Thích nghe và kể câu chuyện | |
| MT92: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. | <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét về các tác phẩm tạo hình. - Trẻ biết nói lên suy nghĩ, cảm tưởng, cảm xúc của mình về tác phẩm tạo hình | |
| MT93: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, rõ lời, thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát nét mặt, điệu bộ | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. | |
| MT94: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức | <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát - <i>Múa các động tác cơ bản, vỗ tay theo nhịp, tiết tấu...</i> | |
| MT95: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm | |
| MT 96: Trẻ biết tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền hình vẽ | -Trẻ có kỹ năng chọn màu, tô màu theo ý thích và theo hướng dẫn. Tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. | |
| MT97: Trẻ biết vẽ phối hợp | - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tạo | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục | thành bức tranh có màu sắc, bố cục - <i>Nhận xét các sản phẩm của mình và bạn</i> | |
| MT98: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | - Xé các nhát thẳng, cong - <i>Xé vụn, xé dài...</i> - Dán tạo ra sản phẩm đơn giản | |
| MT99: Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết | - Sử dụng cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay khi làm lồm, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | |
| MT 100: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau | - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng đường nét | |
| MT101: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét... - <i>Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các sản phẩm tạo hình.</i> - <i>Có ý thức giữ gìn, bảo vệ, tôn trọng sản phẩm nghệ thuật của bản thân và người khác.</i> | |
| MT102: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát bản nhạc | - Trẻ biết lựa chọn các hình thức vận động theo nhạc - Tự thể hiện các hình thức vận động theo nhạc | |
| MT103: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát | - Tự chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu | |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| MT 104: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích | - Trẻ nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Trẻ lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. <i>- Trẻ biết quyền được đối xử công bằng, quyền bình đẳng, được tham gia học tập và vui chơi, mạnh dạn bày tỏ ý kiến và được tôn trọng ý kiến.</i> | |
| MT 105: Trẻ biết in hình bằng các Phương tiện khác nhau | - Kỹ năng in bằng ngón tay, bàn tay, bàn chân, sử dụng các Phương tiện in khác nhau | |
| MT106: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình và của bạn. | |

III: Độ tuổi mẫu giáo 3-4 Tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện lớp 3 Tuổi.

| TT | Chủ đề/Sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---------------------|------------------------------------|---------|
| 1 | Trường mầm non - Tết trung thu | 8/9-12/9/2025 | Trường mầm non Văn Lý của bé | |
| | | 15/9-19/9/2025 | Lớp học của bé | |
| | | 22/9-26/9/2025 | Đồ dùng, đồ chơi của bé | |
| | | 29/9- 03/10/2025 | Ngày Tết trung thu | |
| 2 | Bản Thân | 6/10-10/10/2025 | Tôi là ai | |
| | | 13/10- 17/10/2025 | Cơ thể tôi | |
| | | 20/10- 24/10/2025 | Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | |
| 3 | Gia đình của bé - Ngày | 27/10 - 31/10/2025 | Gia đình của bé | |
| | | 03/11- 07/11/2025 | Ngôi nhà gia đình ở | |
| | | 10/11-14/11/2025 | Đồ dùng trong gia đình | |

| TT | Chủ đề/Sự kiện | Thời gian thực hiện | Nội dung khai thác (chủ đề nhánh) | Ghi chú |
|----|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|---------|
| | nhà giáo Việt Nam | 17/11-21/11/2024 | Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 | |
| 4 | Nghề nghiệp- Ngày thành lập QĐND | 24/11- 28/11/2025 | Nghề truyền thống của địa phương | |
| | | 01/12 - 05/12/2025 | Nghề phổ biến | |
| | | 08/12-12/12/2025 | Ngày thành lập QĐND Việt Nam | |
| | | 15/12-19/12/2025 | Nghề sản xuất | |
| 5 | Động vật | 22/12-26/12/2025 | Động vật nuôi trong gia đình | |
| | | 29/12-02/01/2026 | Động vật sống dưới nước | |
| | | 05/01-9/01/2026 | Động vật sống trong rừng | |
| | | 12/01-16/01/2026 | Những con côn trùng - Chim | |
| 6 | Thực vật-Tết mùa xuân | 19/01-23/01/2026 | Cây xanh và môi trường sống | |
| | | 26/01- 30/01/2026 | Rau, củ, quả | |
| | | 02/02 - 06/02/2026 | Ngày Tết quê em | |
| | | 09/02 - 13/02/2026 | Một số loại hoa | |
| 7 | Giao thông- Ngày 8/3 | 23/02-27/02/2026 | PTGT đường bộ - đường sắt | |
| | | 02/03 - 06/03/2026 | Ngày quốc tế phụ nữ 8-3 | |
| | | 09/03 - 13/03/2026 | PTGT đường thủy - đường không | |
| | | 16/03-20/03/2026 | Một số luật giao thông đường bộ | |
| 8 | Nước-Hiện tượng tự nhiên | 23/03 - 27/03/2026 | Một số nguồn nước | |
| | | 30/03 - 03/04/2026 | Một số hiện tượng tự nhiên | |
| | | 06/04-10/4/2026 | Tìm hiểu về các mùa trong năm | |
| | | 13/04-17/4/2026 | Mùa hè với bé | |
| 9 | Quê hương Đất nước- Bác Hồ | 20/4-24/4/2026 | Quê hương Văn Lý tươi đẹp | |
| | | 27/4-01/5/2026 | Đất nước Việt Nam diệu kỳ | |
| | | 04/5- 08/5/2026 | Bác Hồ kính yêu | |
| | | 11/5-15/5/2026 | Tết thiếu nhi | |

2. Mục tiêu – Nội dung hoạt động

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|----------|----------------------|---------------------|
| | | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| 1. Giáo dục phát triển thể chất | | |
| a) Phát triển vận động. | | |
| MT1: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, tay, lưng, bụng, lườn, chân. | |
| MT2: Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động. | <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m - <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo.</i> - <i>Đi trên ghế thể dục.</i> | |
| MT3: Trẻ kiểm soát được vận động. | <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục theo đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. - <i>Đi, chạy đổi hướng theo vật chuẩn.</i> - <i>Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</i> | |
| MT4: Trẻ thực hiện một số vận động bò, trườn, trèo. | <ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc - Bò chui qua cổng - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bục cao (30cm) - <i>Trườn sấp chui qua cổng</i> - <i>Trèo lên, xuống thang có vịn tay</i> | |
| MT5: Biết thực hiện một số vận động bật - nhảy | <ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20cm – 25cm - <i>Bật sâu 20-25cm</i> - <i>Bật chụm chân, tách chân</i> - <i>Bật - nhảy tại chỗ</i> | |
| MT6: Phối hợp tay- mắt trong vận động <i>với người đối diện</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được bóng được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2.5m) - Tự đập và bắt được bóng được 3 | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| | lần liên (đường kính bóng 18cm) <i>- Tung bóng lên cao và bắt bóng</i> | |
| MT7: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp | <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích ngang (xa 1.5m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0.4m) không chệch ra ngoài <i>- Chạy nhanh 10m, tung bóng lên cao bằng 2 tay</i> <i>- Đi theo hiệu lệnh, bật nhảy qua dây</i> <i>- Đi kiễng gót, trèo lên xuống ghế</i> <i>- Cầm bóng đi trong đường dích dắc, tung bóng cho bạn</i> | |
| MT8: Thực hiện được các vận động <i>của cơ bàn tay, ngón tay.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau <i>- Vo, xoáy, xoắn, vặn bàn tay, ngón tay, cổ tay</i> | |
| MT9: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: <i>học, chơi và sinh hoạt hằng ngày</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8-10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc <i>- Tập tô màu bức tranh</i> <i>- Tự cầm bát, thìa, bút, cốc</i> | |
| b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | |
| MT10: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh(thịt, cá, trứng, sữa, rau...) | <ul style="list-style-type: none"> - Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc nhìn qua vật thật, qua tranh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) | |
| MT11: Biết tên một số món ăn trong bữa ăn hàng ngày <i>ở trường và ở nhà:</i> trứng rán; canh rau; cá | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết và gọi tên một số món ăn trong bữa ăn hàng ngày <i>ở trường và ở nhà:</i> trứng rán; canh | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| kho; <i>đậu, thịt lợn sốt cà chua; trứng, thịt kho tàu...</i> | rau; cá kho; <i>đậu, thịt lợn sốt cà chua; trứng, thịt kho tàu</i> | |
| MT12: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau <i>để có đủ chất dinh dưỡng.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Biết ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật - <i>Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</i> | |
| MT13: Thực hiện được một số công việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn | <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, xúc miệng - Tháo tất, cởi quần, áo - <i>Làm quen cách đánh răng, vệ sinh cá nhân</i> - <i>Tập rửa tay bằng xà phòng</i> | |
| MT14: Biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng quy cách | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát, thìa, cốc, đúng quy cách (<i>cầm thìa, cốc bằng tay phải,...</i>) | |
| MT15: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi... | <ul style="list-style-type: none"> - Uống nước đã đun sôi - Mời cô, mời bạn trước khi ăn - <i>Không tự tiện ăn uống những thứ cô không cho phép, không dùng tay ăn và nói chuyện trong khi ăn</i> | |
| MT16: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu <i>hoặc khi cơ thể bị sốt, không được khỏe.</i> - <i>Đeo khẩu trang đúng cách</i> - <i>Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng hoặc nước sát khuẩn...</i> | |
| MT17: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở <i>ở nhà và ở trường.</i> (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, <i>ô điện chậu nước, một số vật</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, <i>ô điện, chậu nước, một số vật dụng sắc nhọn: dao, kéo, đinh...</i>) | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| <i>dụng sắc nhọn: dao, kéo, đinh...)</i> | | |
| MT18: Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hồ vôi, <i>cột điện cao thế, lan can, hành lang...</i>) khi được nhắc nhở | - Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hồ vôi, <i>cột điện cao thế, lan can, hành lang...</i>) khi được nhắc nhở | |
| MT19: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc | <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn loại quả có hạt - Không được tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch một số vật dụng sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp. | |
| | | |
| MT20: Thực hiện được yêu cầu đơn giản ví dụ: “cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ” ... | - Làm theo 2 yêu cầu của cô giáo (cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ...) | |
| MT21: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả,... | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc | |
| MT22: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại một cách đầy đủ, rõ ràng. | <ul style="list-style-type: none"> - Biết lắng nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày, sử dụng đúng từ ngữ và câu khi giao tiếp - Biết trả lời và đặt câu hỏi - <i>Trẻ tự do bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các sự vật, hiện tượng với mọi người xung quanh</i> | |
| MT23: Nói rõ các tiếng | <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn các tiếng của tiếng Việt - Nói rõ các tiếng khi trò chuyện với người xung quanh | |
| MT24: Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm | - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| MT25: Sử dụng câu đơn, câu ghép | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng câu đơn, câu ghép trong giao tiếp, vui chơi - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép | |
| MT26: Kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,... | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,... | |
| MT27: Đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi | |
| MT28: Kể lại được truyện đơn giản đã được nghe (<i>phù hợp với lứa tuổi của trẻ</i>) với sự giúp đỡ của người lớn | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhớ tên truyện, tên nhân vật, nội dung truyện - Kể lại được truyện đơn giản đã được nghe (<i>phù hợp với lứa tuổi của trẻ</i>) với sự giúp đỡ của người lớn | |
| MT29: Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện, <i>đóng vai được nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ nghe và bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện đã được nghe, <i>đóng vai được nhân vật theo theo lời dẫn truyện của giáo viên</i> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó trong câu truyện | |
| MT30: Nói đủ nghe, không nói lý nhí | <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm dành mạch, rõ ràng | |
| MT31: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh | <ul style="list-style-type: none"> - Hứng thú nghe đọc truyện - Tự lấy sách để đọc truyện tranh | |
| MT32: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| MT33: Thích vẽ, viết nguệch ngoạc | - Cầm bút đúng các; vẽ, viết nguệch ngoạc | |
| 3. Phát triển nhận thức | | |
| a) Khám phá khoa học | | |
| MT34: Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông - Một số đặc điểm tính chất của nước, đất, đá, sỏi, cát - Chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng | |
| MT35: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng | - Quan sát, nhận xét, sờ, nghe, nếm, ngửi...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng | |
| MT36: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi | - Làm thử nghiệm và quan sát tìm hiểu đối tượng ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi | |
| MT37: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng | - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng | |
| MT38: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của đối tượng - So sánh hai đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu nổi bật | |
| MT39: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của một số sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi | <ul style="list-style-type: none"> - Nói được nguyên nhân dẫn đến kết quả đó. (Vì chạy nên ngã; vì nắng nên đội | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| | mũ; vì ốm nên nghỉ học...) | |
| MT40: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo | - Mô tả được tên, đặc điểm của các đối tượng được quan sát như các phương tiện giao thông, cây hoa quả quen thuộc, các hiện tượng thời tiết... | |
| MT41: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... <i>bằng các cách khác nhau</i> | - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... <i>bằng các cách khác nhau</i> | |
| | | |
| MT42: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng | - Tập đếm số lượng đồ vật - Nhận dạng các chữ số | |
| MT43: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 | - Chỉ vào các đối tượng giống nhau đếm theo thứ tự đến 5 - Đếm các đối tượng và xếp tương ứng 1:1 - Biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng | |
| MT44: So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn | - Tạo 2 nhóm có số lượng không bằng nhau trong phạm vi 5 và so sánh - Tạo 2 nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau | |
| MT45: Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 | - Gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại thành một nhóm và nêu kết quả | |
| MT46: Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm | - Tách các đối tượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm và nói được kết quả | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|---|---------------------|
| MT47: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra quy luật sắp xếp của 2 đối tượng. - Tạo ra quy tắc sắp xếp - Ghép các đồ vật giống nhau thành một đôi. | |
| MT48: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đối tượng to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau - Nêu kết quả so sánh | |
| MT49: Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật | <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được các hình theo yêu cầu của cô. Quan sát, nhận dạng, gọi tên các hình - Phân biệt điểm giống và khác nhau của các hình | |
| MT50: Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng về thời gian | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía trên- phía dưới; phía trước- phía sau; tay phải- tay trái của bản thân. - Biết nói thời gian buổi sáng, trưa, chiều, tối | |
| c) Khám phá xã hội | | |
| MT51: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về bản thân của trẻ - Nói sở thích của bản thân | |
| <p><i>- MT52: Trẻ nói được chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trẻ biết các chức năng của các các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i> - <i>Trẻ biết tên, tầm quan trọng và biết giữ gìn vệ sinh chỗ/khu vực (vùng riêng tư).</i> - <i>Trẻ biết cách bảo vệ, phòng tránh xâm phạm các vùng riêng tư.</i> | |
| MT53: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình | <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về gia đình trẻ, các thành viên trong gia đình | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| | - Nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình | |
| MT54: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình <i>((như thôn , xã, tỉnh...))</i> | - Trò chuyện về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình <i>(như thôn , xã, tỉnh...)</i> | |
| MT55: Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, các bạn đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | - Trò chuyện về trường lớp, cô giáo, các bạn - Bộc lộ cảm xúc về trường mầm non | |
| MT56: Kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, <i>nghề mộc, nghề may....</i> khi được hỏi, xem tranh | - Kể tên một số nghề quen thuộc với trẻ - Kể tên một số công cụ sản xuất và sản phẩm của nghề ở quê hương: <i>nghề nông, nghề xây dựng, nghề mộc, nghề may</i> | |
| MT57: Kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh | - Biết kể tên một số lễ hội như: ngày khai giảng, tết trung thu. | |
| MT58: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương: <i>Đài tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ, đình làng .</i> | - Biết và nói được tên một số danh lam thắng cảnh ở địa phương: <i>Đài tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ, đình làng .</i> - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. | |
| <i>MT59: Trẻ được trải nghiệm, tham quan các địa danh, di tích của quê hương</i> | <i>- Tham quan, khám phá, tìm hiểu về các địa danh của quê hương: Đình làng Lạng, đài tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ.</i> | |
| 4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội | | |
| MT60: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân | - Có khả năng nói được các thông tin cơ bản về bản thân | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|---|---------------------|
| MT61: Nói được điều bé thích và không thích | - Nói được khả năng, sở thích của bản thân | |
| MT62: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi | - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động học, chơi theo nhóm, tập thể. - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi của cô | |
| MT63: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...) | - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (xếp ghế vào nơi quy định, cất dọn đồ chơi...) | |
| MT64: Nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | - Nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ , hãi | |
| MT65: Biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | - Thể hiện cảm xúc: vui , buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ | |
| MT66: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ | - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh, tivi, sách báo... - Kính yêu Bác Hồ | |
| <i>MT67: Biết thể hiện tình yêu quê hương, đất nước</i> | <i>- Thể hiện qua các hoạt động học, trò chơi, hoạt động trải nghiệm tập thể,....</i> | |
| MT68: Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ | - Biết xếp đồ chơi sau khi chơi xong vào nơi quy định - Biết vâng lời bố mẹ, cô giáo. | |
| MT69: Có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. | - Chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở - Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi đúng- sai; tốt-xấu. | |
| MT70: Chú ý nghe khi cô, bạn nói | - Biết lắng nghe khi người khác nói | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|---|--|---------------------|
| | chuyện | |
| MT71: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Biết hoạt động nhóm trong các trò chơi tập thể, trong hoạt động học, hoạt động thảo luận | |
| MT72: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây | - Thể hiện sự yêu thích khi quan sát cảnh vật thiên nhiên - Thích chăm sóc cây cối, con vật | |
| MT73: Quan tâm đến môi trường | - Không vứt rác bừa bãi - Bỏ rác đúng nơi quy định - Tiết kiệm điện, nước. | |
| <i>MT74: Yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác.</i> | - Trẻ biết các hành động bảo vệ cơ thể của bản thân và của người khác - Trẻ tôn trọng cơ thể của mình và của người khác. | |
| <i>MT75: Trẻ bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động.</i> | - Trẻ được tự do lựa chọn các hoạt động vui chơi, học tập ở lớp theo ý thích của trẻ. - Trẻ được công bằng, bình đẳng trong các hoạt động. | |
| 5. Phát triển thẩm mỹ | | |
| MT76: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng. | - Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng | |
| MT77: Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện | - Vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát - Nghe nhạc, nghe hát trên băng đĩa - Nghe cô hát, nghe đàn - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|---------------------|
| MT78: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình | - Thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình | |
| MT79: Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc | - Mạnh dạn tham gia hoạt động âm nhạc - Hát đúng giai điệu, lời bài hát theo độ tuổi. | |
| MT80: Vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) | - Biết vỗ tay theo nhịp, phách bài hát, vận động minh họa bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Vận động đơn giản theo nhịp bài hát, bản nhạc | |
| MT81: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình <i>có tính mở, nguyên vật liệu sẵn có</i> để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình như: <i>lá cây, sỏi, vỏ sò, ống giấy, hạt hạt, sỏi,...</i> để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | |
| MT82: Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. | - Trẻ có kỹ năng chọn màu, tô màu theo ý thích và theo hướng dẫn; tô màu kín không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. | |
| MT83: Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản <i>có màu sắc và bố cục hợp lý.</i> | - Quan sát tranh vẽ - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh <i>có màu sắc và bố cục hợp lý</i> | |
| MT84: Cắt, xé vụn theo dải và dán thành sản phẩm đơn giản | - Cắt xé các nhát thẳng - Cắt xé vụn thành nhiều mảnh - Dán tạo ra sản phẩm đơn giản | |
| MT85: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | - Sử dụng cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay để tạo ra sản phẩm | |

| Mục tiêu | Nội dung – Hoạt động | Điều chỉnh, bổ sung |
|--|--|----------------------------|
| MT86: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | - Trẻ sử dụng các hình, khối, đồ vật xếp tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản | |
| MT87: Nhận xét các sản phẩm tạo hình | - Nhận xét sản phẩm của mình - Nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn | |
| MT88: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc | - Vận động theo ý thích - Tự thể hiện vận động của mình theo bài hát | |
| MT89: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích | - Tạo ra các sản phẩm tạo hình - Nêu lên ý tưởng trong sản phẩm | |
| MT90: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | - Tự đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình theo ý thích. | |

IV. Độ tuổi 24-36 tháng

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

| T T | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Chủ đề nhánh | Ghi chú |
|------------|---|----------------------------|---|----------------|
| 1. | Các cô, các bác trong trường Mầm non | 08/9-12/9/2025 | Các cô, các bác trong nhà trẻ, trường mầm non | |

| T T | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Chủ đề nhánh | Ghi chú |
|---------------------------|---|-----------------------------------|---|----------------|
| | | 15/9-19/9/2025 | Công việc của các cô, các bác trong nhà trẻ, trường mầm non | |
| 2. | Bé và các bạn – Bé vui tết trung thu | 22/9-26/9/2025 | Bé biết nhiều thứ | |
| 29/9- 03/10/2025 | | Bé Vui tết trung thu | | |
| 6/10-10/10/2025 | | Các bạn của bé ở lớp | | |
| 13/10-17/10/2025 | | Bé và các bạn cùng chơi | | |
| 3. | Mẹ và những người thân yêu | 20/10-24/10/2025 | Mẹ của bé | |
| 27/10 -31/10/2025 | | Người thân của bé | | |
| 03/11- 07/11/2025 | | Đồ dùng gia đình | | |
| 10/11-14/11/2025 | | Đồ chơi Gia đình | | |
| 4. | Đồ chơi của bé - ngày Nhà giáo Việt | 17/11-21/11/2024 | Ngày Nhà giáo Việt 20/11 | |
| 24/11- 28/11/2025 | | Những đồ chơi quen thuộc gần gũi | | |
| 01/12-05/12/2025 | | Những đồ chơi chuyển động được | | |
| Đồ chơi lắp ráp, xây dựng | | Đồ chơi lắp ráp, xây dựng | | |
| 5. | Những con vật đáng yêu- Thành lập QĐND | Ngày thành lập QĐND | Ngày thành lập QĐND | |
| 22/12-26/12/2025 | | Những con vật nuôi trong gia đình | | |
| 29/12-02/01/2026 | | Động vật sống trong rừng | | |
| 05/01-9/01/2026 | | Động vật sống dưới nước | | |
| 6 | Ngày tết và mùa xuân | 12/01-16/01/2026 | Bé dọn dẹp đón tết | |
| 19/01-23/01/2026 | | Ngày tết với bé | | |
| 26/01- 30/01 | | Nghỉ tết | | |
| 02/0 -06/02/2026 | | Mùa xuân với bé | | |
| 09/02 -13/02/2026 | | Các loại hoa, quả, bánh ngày tết | | |
| 7 | Cây và những | 16/02-20/02/2026 | Các loại quả bé thích. | |
| 23/0 - 27/02/2026 | | Hoa trong vườn | | |

| T T | Chủ đề/ sự kiện | Thời gian thực hiện | Chủ đề nhánh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|---------------------|-------------------------------|---------|
| | bông hoa đẹp- Ngày 8/3 | 02/03-06/03/2026 | Ngày vui 8/3 | |
| | | 09/03 - 13/03/2026 | Em yêu cây xanh | |
| 8 | Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì | 16/03 -20/03/2026 | PTGT đường bộ: Xe đạp, xe máy | |
| | | 23/03 -27/03/2026 | PTGT đường bộ: Ôtô, tàu hỏa | |
| | | 30/03-03/4/2026 | PTGT đường thủy | |
| | | 06/04-10/4/2026 | PTGT đường hàng không | |
| 9 | Mùa hè với bé | 13/4-17/4/2026 | Thời tiết mùa hè | |
| | | 20/4-24/4/2026 | Quần áo, trang phục mùa hè | |
| | | 27/4- 29/4/2026 | Bé được làm gì trong mùa hè | |
| 10 | Bé lên mẫu giáo | 04/5-08/5/2026 | Lớp học của bé | |
| | | 11/5 – 15/5/2026 | Các hoạt động của bé ở lớp | |

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|---|--|
| LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT | |
| * Phát triển vận động | |
| MT1: Trẻ 24 tháng - Cân nặng bé trai: 9,7-15,3 kg; Bé gái: 9,1-14,8 kg - Chiều cao bé trai: 91,7-93,9 cm; Bé gái: 80,0-92,2 cm MT2: Trẻ 36 tháng - Cân nặng bé trai: 11,2- 18,3 kg; Bé gái: 10,8-18,1 kg - Chiều cao bé trai: 88,7-103,5 cm; Bé gái: 87,4-102,7 cm | - Tổ chức cân đo trẻ và chấm biểu đồ hàng tháng đối với trẻ dưới 24 tháng, hàng quý đối với trẻ từ 24-36 tháng. - Cho trẻ ăn đủ chất dinh dưỡng, uống vitamin và khoáng chất. |
| MT3: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục | - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (hít thở, tay lưng, bụng, chân) |
| MT4: Giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay. | - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co một chân |
| MT5: Biết thực hiện phối hợp vận động tay | - Tung - bắt bóng cùng cô. |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|---|---|
| - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m. | - Tung bóng bằng 2 tay - Ném vào đích nằm ngang 1-1,2m. |
| MT6: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. | - Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản + Bò qua đường đích dắc |
| MT7: Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). | - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích. |
| MT8: Thực hiện được vận động bật nhảy | - Bật qua vạch kẻ - Bật, nhảy tại chỗ - Bật tiến về phía trước |
| MT9: Thực hiện được bài tập tổng hợp | - Trườn đến đích - Trèo lên xuống bục - Trườn chui qua cổng |
| MT10: Biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo” | - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Đóng mở nắp có ren |
| MT11: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. | - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ - Chồng, xếp 6 - 8 khối. - Chắp ghép hình - Lật mở trang sách. |
| MT12: Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các thức ăn khác nhau: <i>Com, cháo, súp, canh, bún, các loại bánh.</i> - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống |
| MT13: Ngủ 1 giấc buổi trưa. | - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa: <i>Trẻ ngủ ngon, ngủ sâu giấc, ngủ đủ giấc trưa.</i> |
| MT14: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. | - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định: <i>Chấp nhận ngồi bô, bồn cầu khi đi vệ</i> |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|---|--|
| | <i>sinh.</i> |
| MT15: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh.....). | <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ (xúc cơm ăn, uống nước, đi dép, cởi quần, <i>tự đi vệ sinh, tự rửa tay rửa mặt.</i>) - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn uống, đi vệ sinh. - Tập 1 số thao tác trong rửa tay , lau mặt. - <i>Tập cất dọn đồ chơi đúng nơi quy định.</i> |
| MT16: Chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập mặc quần áo, đi dép , đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn , bị ướt. - <i>Tập mặc áo ấm khi trời lạnh.</i> - <i>Tập đội mũ, che ô khi trời mưa, nắng.</i> - <i>Tập đi giày, dép khi ra ngoài, khi trời lạnh.</i> |
| MT17: Biết tránh một số vật dụng, nơi gây nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết vật dụng, nơi gây nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: <i>Vật sắc nhọn, dao, kéo,...</i> - Tránh một số nguy cơ không an toàn: Nước nóng, bếp đang đun, xô nước, giếng. |
| MT18: Biết cách tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn....) khi được nhắc nhở. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh: leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, <i>sờ vào ổ điện...</i> |
| LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC | |
| MT19: Biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | <ul style="list-style-type: none"> - Sờ, nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn - nhẵn, xù xì. - Sờ, nắn, nhìn, ngửi, đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Nếm vị của một số thức ăn, hoa quả. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. |
| MT20: Biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | <ul style="list-style-type: none"> - Biết bắt chước hành động đơn giản của người thân (- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|--|---|
| MT21: Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | <ul style="list-style-type: none"> - Tên và 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân (<i>Mắt, mũi, miệng, chân, tay...</i>). - Tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình (<i>Ông bà, bố mẹ, anh chị...</i>) - Tên của cô giáo và các bạn, nhóm/ lớp. |
| MT22: Nói được tên và chức năng của một số bộ phận trên cơ thể khi được hỏi | - Tên chức năng chính của 1 số bộ phận trên cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. |
| MT23: Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. | - Tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, quen thuộc. |
| MT24: Chỉ tay hoặc lấy được một số đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu | - Kích thước to – nhỏ. |
| MT25: Chỉ, nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, xanh, vàng theo yêu cầu. | - Màu đỏ, vàng, xanh |
| <i>MT26: Nói tên được một số phương tiện giao thông khi được hỏi</i> | - <i>Nói tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</i> |
| <i>MT27: Chỉ tay hoặc nói được một số màu cơ bản, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian khi được hỏi.</i> | <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật</i> - <i>Số lượng: một và nhiều (1-5; 1-10)</i> |
| <i>MT28: Biết các ngày lễ lớn trong năm</i> | - <i>Trẻ được làm quen với ngày 20/11, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3, ngày tết thiếu nhi.....</i> |
| LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ | |
| MT29: Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động | - Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói |
| MT30: Trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “thế nào..?” | - Đặt các câu hỏi và trả lời “ai đây”? , “ cái gì đây”? , “ làm gì”? , “ thế nào” ? |
| MT31: Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | - Đặt các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật |
| MT32: Phát âm rõ tiếng. | <ul style="list-style-type: none"> - Luyện phát âm rõ tiếng - Luyện nói các câu đơn rõ tiếng |
| MT33: Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao | - Nghe đọc thơ ca dao, đồng dao ngắn |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|---|--|
| với sự giúp đỡ của cô giáo. | có câu 3- 4 tiếng - Trẻ đọc bài thơ, ca dao, đồng dao |
| MT34: Nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. | - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. |
| MT35: Biết chào hỏi, trò chuyện với người thân: ông bà, bố mẹ, cô giáo, các bạn... | - Thường xuyên biết chào hỏi mọi người - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |
| MT36: Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. | - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. |
| MT37: Biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”.... | - Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì đây? Cái gì đây? |
| MT38: Nói to, đủ nghe, lễ phép. | - Luyện nói to, đủ nghe, lễ phép. |
| MT39: Lắng nghe khi người lớn đọc sách. | - Trẻ chú ý khi người lớn đọc sách. |
| <i>MT40: Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.</i> | <i>- Trẻ biết cách xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.</i> |
| LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ | |
| MT41: Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân (<i>Màu da, mắt, tóc...</i>). Biết họ tên, tuổi của bản thân. |
| MT42: Thể hiện điều mình thích và không thích. | - Nhận biết về điều mình thích và không thích - Nói được điều mình thích, không thích. |
| MT43: Biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | - Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. |
| MT44: Nhận biết, biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. | - Nhận biết và thể hiện được 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi. |
| MT45: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi. | - Quan tâm đến con vật nuôi - <i>Quan sát, nhận xét, bắt chước tiếng kêu, dáng đi...</i> |
| MT46: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng | - Thực hiện 1 số hành vi văn hoá và |

| Mục tiêu | Nội dung - Hoạt động |
|---|---|
| a. | giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.... |
| MT47: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). | - Thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). |
| MT48: Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác. | - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn không tranh giành đồ chơi của bạn, không cầu bạn. |
| MT49: Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn. | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. |
| MT50: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. | - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc |
| MT51: Biết thích tô màu, vẽ nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, vò, xé, xếp hình - <i>Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</i> |
| <i>MT52: Trẻ biết dán các hình có sẵn để tạo sản phẩm đơn giản.</i> | - <i>Biết phết hồ lên tờ giấy để dán</i> - <i>Biết lựa chọn các hình tập dán để tạo ra các sản phẩm có màu sắc như ngôi nhà, bông hoa, lá, quả, đồ dùng đồ chơi...</i> - <i>Biết xé, vò và dán vào hình vẽ sẵn.</i> |
| <i>MT53: Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc</i> | - <i>Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau</i> - <i>Nghe âm thanh của các loại nhạc cụ.</i> |

